

## QUYẾT ĐỊNH

### Ban hành Kế hoạch Chuyển đổi số tỉnh Gia Lai năm 2024

#### ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH GIA LAI

Căn cứ Luật Công nghệ thông tin năm 2006;

Căn cứ Luật An toàn thông tin mạng năm 2015;

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2019;

Căn cứ Nghị định số 64/2007/NĐ-CP ngày 10 tháng 4 năm 2007 của Chính phủ về ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động của cơ quan nhà nước;

Căn cứ Nghị quyết số 17/NQ-CP ngày 09 tháng 3 năm 2020 của Chính phủ về một số nhiệm vụ, giải pháp trọng tâm phát triển Chính phủ điện tử giai đoạn 2019-2020, định hướng đến 2025;

Căn cứ Nghị quyết số 01/NQ-CP ngày 05 tháng 01 năm 2024 của Chính phủ về nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu thực hiện Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và dự toán ngân sách nhà nước năm 2024;

Căn cứ Quyết định số 749/QĐ-TTg ngày 03 tháng 6 năm 2020 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt Chương trình chuyển đổi số quốc gia đến năm 2025, định hướng năm 2030;

Căn cứ Quyết định số 942/QĐ-TTg ngày 15 tháng 6 năm 2021 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt Chiến lược phát triển Chính phủ điện tử hướng tới Chính phủ số giai đoạn 2021-2025, định hướng đến năm 2030;

Căn cứ Quyết định số 411/QĐ-TTg ngày 31 tháng 3 tháng 2022 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt Chiến lược quốc gia phát triển kinh tế số và xã hội số đến năm 2025, định hướng đến năm 2030;

Căn cứ Quyết định số 964/QĐ-TTg ngày 10 tháng 8 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt Chiến lược An toàn, An ninh mạng quốc gia, chủ động ứng phó với các thách thức từ không gian mạng đến năm 2025, tầm nhìn 2030;

Căn cứ Quyết định số 2323/QĐ-BTTTT ngày 31 tháng 12 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông về ban hành Khung Kiến trúc Chính phủ điện tử Việt Nam, phiên bản 2.0;

Căn cứ Nghị quyết số 04-NQ/TU ngày 20 tháng 01 năm 2022 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Gia Lai (khoá XVI) về chuyển đổi số tỉnh Gia Lai đến năm 2025, định hướng đến năm 2030;

Căn cứ Công văn số 6074/BTTTT-CĐSQG ngày 06 tháng 12 năm 2023 của Bộ Thông tin và Truyền thông hướng dẫn các Bộ, ngành, địa phương thực hiện

*Chuyển đổi số cấp bộ, cấp tỉnh;*

*Căn cứ Kế hoạch số 2415/KH-UBND ngày 03 tháng 12 năm 2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh Gia Lai về Chuyển đổi số của tỉnh Gia Lai giai đoạn 2021-2025, định hướng đến năm 2030;*

*Căn cứ Quyết định số 796/QĐ-UBND ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh Gia Lai về việc phê duyệt Kiến trúc Chính quyền điện tử tỉnh Gia Lai, phiên bản 2.0;*

*Căn cứ Quyết định số 797/QĐ-UBND ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh Gia Lai ban hành Kế hoạch ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động các cơ quan nhà nước, phát triển chính quyền điện tử / chính quyền số và bảo đảm an toàn thông tin mạng tỉnh Gia Lai giai đoạn 2021-2025;*

*Căn cứ Quyết định số 77/QĐ-UBND ngày 08 tháng 02 năm 2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh Gia Lai về việc ban hành Kế hoạch triển khai thực hiện Đề án "Xây dựng thành phố Pleiku theo hướng đô thị thông minh giai đoạn 2020-2025, định hướng đến năm 2030";*

*Căn cứ Chương trình hành động số 921/UBND-CTHD ngày 12 tháng 5 năm 2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Gia Lai về triển khai thực hiện Nghị quyết số 04-NQ/TU ngày 20/01/2022 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Gia Lai (khóa XVI) về chuyển đổi số tỉnh Gia Lai đến năm 2025, định hướng đến năm 2030;*

*Xét đề nghị của Giám đốc Sở Thông tin và Truyền thông.*

## **QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Ban hành kèm theo Quyết định này Kế hoạch Chuyển đổi số tỉnh Gia Lai năm 2024.

**Điều 2.** Ban Chỉ đạo Chuyển đổi số tỉnh Gia Lai; Sở Thông tin và Truyền thông tỉnh Gia Lai có trách nhiệm hướng dẫn, đôn đốc, kiểm tra, báo cáo việc thực hiện Kế hoạch này của các đơn vị, địa phương thuộc tỉnh Gia Lai theo chức năng, nhiệm vụ quy định.

**Điều 3.** Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc Sở Thông tin và Truyền thông; Thủ trưởng các sở, ban, ngành; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố thuộc tỉnh Gia Lai và các đơn vị, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký. / *Ngovan*

### **Nơi nhận:**

- Bộ Thông tin và Truyền thông (báo cáo);
- Thường trực Tỉnh ủy (báo cáo);
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Chủ tịch, các Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- Ban Chỉ đạo Chuyển đổi số tỉnh;
- Các sở, ban, ngành thuộc tỉnh;
- UBND các huyện, thị xã, thành phố;
- Cổng thông tin điện tử tỉnh;
- Lưu: VT, KTTT, TTTH, NC, KGVX.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH  
CHỦ TỊCH**



**Trương Hải Long**



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

## KẾ HOẠCH

### Chuyển đổi số tỉnh Gia Lai năm 2024

(Ban hành kèm theo Quyết định số: 19 /QĐ-UBND ngày 22 tháng 01 năm 2024  
của Ủy ban nhân dân tỉnh Gia Lai)

#### Phần I

### ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ THỰC HIỆN NĂM 2023

#### I. TÌNH HÌNH THỰC HIỆN MỤC TIÊU ĐẶT RA NĂM 2023

Triển khai Chương trình Chuyển đổi số Quốc gia giai đoạn 2021-2025, định hướng đến năm 2030 (Quyết định số 749/QĐ-TTg ngày 03 tháng 6 năm 2020 của Thủ tướng Chính phủ); Chiến lược phát triển Chính phủ điện tử hướng đến Chính phủ số giai đoạn 2021-2025, định hướng đến năm 2030 (Quyết định số 942/QĐ-TTg ngày 15 tháng 6 năm 2021 của Thủ tướng Chính phủ); Chiến lược Quốc gia về phát triển kinh tế số và xã hội số đến năm 2025, định hướng đến năm 2030 (Quyết định số 411/QĐ-TTg ngày 31 tháng 3 tháng 2022 của Thủ tướng Chính phủ) và các chỉ đạo khác của Chính phủ, Ủy ban Quốc gia về chuyển đổi số; tỉnh Gia Lai đã ban hành các văn bản nhằm cụ thể hóa các nhiệm vụ và mục tiêu để triển khai thực hiện.

Kết quả đạt được của các mục tiêu, chỉ tiêu quan trọng về chuyển đổi số của tỉnh đến hết năm 2023: Chi tiết tại Phụ lục 01 kèm theo.

#### II. TÌNH HÌNH THỰC HIỆN CÁC NHIỆM VỤ NĂM 2023

##### 1. Nhận thức số:

a) Kết quả đạt được:

- Ngày Chuyển đổi số: Ủy ban nhân dân tỉnh Gia Lai đã ban hành Quyết định số 260/QĐ-UBND ngày 07/10/2022 về việc lấy ngày 10 tháng 10 hằng năm là Ngày Chuyển đổi số tỉnh Gia Lai.

- Sở Thông tin và Truyền thông đã phổ biến, chia sẻ Kênh truyền thông "Chuyển đổi số quốc gia" trên Zalo đến tất cả các cơ quan nhà nước các cấp để phổ biến đến từng cán bộ, công chức, viên chức biết và quan tâm, tham gia để theo dõi, tìm hiểu các bài viết được đăng tải trên kênh này.

- Ủy ban nhân dân tỉnh Gia Lai đã ban hành Kế hoạch số 2422/KH-UBND ngày 08/9/2023 về việc tổ chức các hoạt động hưởng ứng ngày Chuyển đổi số tỉnh Gia Lai năm 2023; theo đó, yêu cầu các Sở, ban, ngành, địa phương, các hội, hiệp hội, hệ thống thông tin cơ sở, các doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh (gọi chung là các đơn vị) tổ chức tuyên truyền cổ động trực quan trên các biển hiệu, màn hình điện tử về Ngày Chuyển đổi số; nội dung khẩu hiệu tuyên truyền gợi ý "Dữ liệu số: Nền tảng cho sự đổi mới và phát triển bền vững"; "Chuyển đổi số, hướng tới một xã hội công bằng và phồn thịnh."; "Tạo lập và cung cấp dữ liệu hôm nay là kho tàng số dữ liệu tri thức cho các thế hệ mai sau"...

- Hưởng ứng Ngày Chuyển đổi số Quốc gia và Ngày Chuyển đổi số tỉnh Gia Lai, tỉnh Gia Lai đã tổ chức nhiều hoạt động nhằm truyền thông, nâng cao nhận thức của toàn xã hội về chuyển đổi số.

b) Tồn tại, hạn chế: Đây là năm thứ hai triển khai việc hưởng ứng Ngày Chuyển đổi số, do đó, các hình thức triển khai chủ yếu là tuyên truyền trên các ứng dụng nên kết quả đạt được chưa rõ nét, chưa thực sự có sức lan tỏa Ngày Chuyển đổi số đến cộng đồng nhân dân trên toàn tỉnh. Số lượng người quan tâm, theo dõi Kênh truyền thông "Chuyển đổi số quốc gia" trên Zalo, Viber... chưa cao; chủ yếu là cán bộ, công chức phụ trách công nghệ thông tin, tham mưu chuyển đổi số tại các đơn vị. Một số đơn vị, địa phương chưa có nhiều hoạt động hưởng ứng cụ thể, hiệu quả chưa cao.

## **2. Thể chế số:**

### **2.1. Ban hành Nghị quyết của cấp ủy và kế hoạch 05 năm của cấp chính quyền về chuyển đổi số:**

a) Kết quả đạt được:

- Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Gia Lai (khoá XVI) đã ban hành Nghị quyết số 04-NQ/TU ngày 20/01/2022 về chuyển đổi số tỉnh Gia Lai đến năm 2025, định hướng đến năm 2030. Ủy ban nhân dân tỉnh Gia Lai đã ban hành Chương trình hành động số 921/UBND-CTHĐ ngày 12/5/2022 về triển khai thực hiện Nghị quyết số 04-NQ/TU ngày 20/01/2022 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Gia Lai (khoá XVI) về chuyển đổi số tỉnh Gia Lai đến năm 2025, định hướng đến năm 2030; theo đó, Ủy ban nhân dân tỉnh đã giao nhiệm vụ cụ thể theo lộ trình cho các ngành, địa phương thuộc tỉnh để thực hiện các nhiệm vụ về chuyển đổi số. Hầu hết các ngành, địa phương cũng đã ban hành kế hoạch hành động của cấp ủy, kế hoạch thực hiện chuyển đổi số 05 năm của ngành, địa phương.

- Trong năm 2023, Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân tỉnh Gia Lai và Ban Chỉ đạo Chuyển đổi số tỉnh Gia Lai đã xây dựng và ban hành nhiều văn bản quan trọng về triển khai Chuyển đổi số trên địa bàn tỉnh như: Nghị quyết quy định về mức thu phí, lệ phí đối với hoạt động cung cấp dịch vụ công trực tuyến trên địa bàn tỉnh Gia Lai; Nghị quyết quy định về chức danh, chế độ, chính sách đối với người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã, ở thôn, tổ dân phố, người trực tiếp tham gia hoạt động ở thôn, tổ dân phố (trong đó có chức danh công nghệ thông tin); Kế hoạch phát triển nguồn nhân lực an toàn thông tin giai đoạn 2022 – 2025; Kế hoạch phát triển hạ tầng số tỉnh Gia Lai giai đoạn 2023-2025; Kế hoạch hoạt động năm 2023 của Ban Chỉ đạo Chuyển đổi số tỉnh; Ngày Chuyển đổi số tỉnh Gia Lai; Kế hoạch tổ chức các hoạt động hưởng ứng ngày Chuyển đổi số tỉnh Gia Lai năm 2023; Kế hoạch thực hiện Chiến lược An toàn, An ninh mạng quốc gia, chủ động ứng phó với các thách thức từ không gian mạng đến năm 2025, tầm nhìn 2030 trên địa bàn tỉnh Gia Lai; Kế hoạch Chuyển đổi số tỉnh Gia Lai năm 2023; Kế hoạch nâng cao chỉ số Chuyển đổi số của tỉnh Gia Lai năm 2023 và các năm tiếp theo; Kế hoạch hành động nâng cao chất lượng và hiệu quả cung cấp dịch vụ công trực tuyến trên địa bàn tỉnh Gia Lai; Ban hành Danh mục cơ sở dữ liệu dùng chung, dịch vụ chia sẻ dữ liệu, dữ liệu mở tỉnh Gia Lai; Ban hành Bộ chỉ số đánh giá Chuyển đổi số (DTI) tỉnh Gia Lai...

b) Tồn tại, hạn chế:

Tại địa phương, giai đoạn 2021-2023, là giai đoạn đầu thực hiện chuyển đổi số, chủ yếu là hoạt động rà soát, ban hành các cơ chế, chính sách, chương trình kế hoạch thực hiện theo chỉ đạo của Chính phủ và hướng dẫn của Bộ Thông tin và Truyền thông. Việc xây

dựng các kế hoạch, chương trình, văn bản chỉ đạo của Tỉnh ủy, Ủy ban nhân dân tỉnh để triển khai các văn bản chỉ đạo của Chính phủ và hướng dẫn của các bộ, ngành mất khá nhiều thời gian; các kế hoạch, chương trình liên quan đến nhiều ngành, địa phương, đơn vị, nội dung, chỉ tiêu còn chồng chéo giữa một số văn bản, một số chỉ tiêu, yêu cầu (theo hướng dẫn) chưa phù hợp với thực tế địa phương; thời gian triển khai chưa đủ để đánh giá hiệu quả thực hiện theo các yêu cầu báo cáo của cấp trên.

## **2.2. Hoạt động của Ban Chỉ đạo chuyển đổi số:**

### **a) Kết quả đạt được:**

- Ban Chỉ đạo chuyển đổi số tỉnh Gia Lai được kiện toàn từ Ban Chỉ đạo xây dựng Chính quyền điện tử tỉnh Gia Lai (Quyết định số 734/QĐ-UBND ngày 22/10/2021). Các thành viên Ban Chỉ đạo theo nhiệm vụ, lĩnh vực quản lý được Ủy ban nhân dân tỉnh giao tham mưu các chủ trương, cơ chế, chính sách, tạo môi trường pháp lý thúc đẩy tiến trình chuyển đổi số của tỉnh, gắn kết chặt chẽ với cải cách hành chính; xây dựng đô thị thông minh. Các đơn vị, địa phương cũng thành lập, kiện toàn Ban chỉ đạo chuyển đổi số của đơn vị để chỉ đạo đẩy mạnh thực hiện chuyển đổi số.

- Năm 2023, Ban Chỉ đạo đã thành lập Đoàn kiểm tra, đánh giá mức độ xây dựng Chính quyền điện tử tại các cơ quan, đơn vị, địa phương năm 2022 và các tháng đầu năm 2023; thẩm định, đánh giá, trình Ủy ban nhân dân tỉnh xếp hạng mức độ xây dựng Chính quyền điện tử năm 2022 của các sở, ban, ngành, địa phương thuộc tỉnh.

- Theo chỉ đạo của Chủ tịch Ủy ban Quốc gia về chuyển đổi số và căn cứ các mục tiêu tại Quyết định số 17/QĐ-UBQGCS ngày 04/4/2023 của Ủy ban Quốc gia về chuyển đổi số về việc ban hành Kế hoạch hoạt động năm 2023, Ban Chỉ đạo chuyển đổi số tỉnh Gia Lai ban hành Kế hoạch số 01/KH-BCĐCĐS ngày 15/5/2023 về hoạt động của Ban Chỉ đạo Chuyển đổi số tỉnh Gia Lai năm 2023; trong đó đặt ra các mục tiêu tương ứng và phân công, giao từng chỉ tiêu và từng nhiệm vụ cụ thể cho các thành viên của Ban Chỉ đạo Chuyển đổi số của tỉnh để theo dõi và thực hiện.

- Theo định kỳ, Ban Chỉ đạo Chuyển đổi số của tỉnh đã tổ chức họp để triển khai, đánh giá việc thực hiện nhiệm vụ.

b) Tồn tại, hạn chế: Sự tham gia, chủ động đề xuất, triển khai các nhiệm vụ chuyển đổi của các ngành, các thành viên Ban Chỉ đạo còn chưa thật sự tích cực. Một số thành viên Ban Chỉ đạo chuyển đổi số của tỉnh chưa xác định đúng trách nhiệm của mình trong việc triển khai chuyển đổi số ngành, lĩnh vực mình phụ trách mà coi việc chuyển đổi số là trách nhiệm của Giám đốc Sở Thông tin và Truyền thông, là nhiệm vụ của cơ quan chuyên trách về công nghệ thông tin, nên công tác chỉ đạo, triển khai chưa quyết liệt.

## **3. Hạ tầng số:**

### **a) Kết quả đạt được:**

- Thực hiện Kế hoạch số 2200/KH-UBND ngày 31/12/2021 về triển khai thực hiện chuyển đổi IPv6 trong cơ quan nhà nước trên địa bàn tỉnh Gia Lai, năm 2023, tỉnh Gia Lai đã hoàn thành đăng ký địa chỉ IPv6 và số hiệu mạng (ASN) cho hệ thống thông tin của tỉnh, trong đó có Công Thông tin điện tử, Công Dịch vụ công của tỉnh.

- Hạ tầng và dịch vụ bưu chính, viễn thông phát triển cả về số lượng và chất lượng. Đến nay, đã phủ điểm phục vụ bưu chính có người phục vụ tại 100% xã thuộc tỉnh; 100% xã, phường, thị trấn được kết nối cáp quang đến trung tâm; phủ sóng điện thoại 3G, 4G đến thôn, làng.

- 100% thôn, làng trên địa bàn toàn tỉnh đều đã được phủ sóng kết nối Internet di

động.

- Ủy ban nhân dân tỉnh đã ban hành Kế hoạch số 952/KH-UBND ngày 16/5/2022 triển khai Nền tảng địa chỉ số quốc gia gắn với bản đồ số trên địa bàn tỉnh Gia Lai. Trong năm 2023, Sở Thông tin và Truyền thông đã phối hợp với các đơn vị, địa phương triển khai kế hoạch phát triển nền tảng địa chỉ số quốc gia gắn với bản đồ số, phối hợp với Bureau điện tỉnh, kiểm tra cơ sở dữ liệu địa chỉ số trên địa bàn tỉnh Gia Lai trước khi bàn giao; qua đó, đề xuất, kiến nghị Bộ Thông tin và Truyền thông hướng dẫn một số nội dung liên quan đến việc triển khai Nền tảng địa chỉ số quốc gia gắn với bản đồ số trên địa bàn tỉnh. Phối hợp với các đơn vị, địa phương liên quan triển khai tạm dừng áp dụng đánh giá tiêu chí “100% hộ gia đình, cơ quan, tổ chức, khu di tích được thông báo, gắn biển địa chỉ số đến từng điểm địa chỉ” theo chỉ đạo của Bộ Thông tin và Truyền thông.

- Mạng diện rộng (WAN) của tỉnh tiếp tục được duy trì, hoạt động hiệu quả.

b) Tồn tại, hạn chế: Địa bàn của tỉnh Gia Lai rộng, dân cư phân bố không đồng đều, nhiều vùng là miền núi, vùng sâu, vùng xa nên việc phát triển hạ tầng viễn thông, phủ sóng di động băng rộng còn khó khăn.

#### **4. Dữ liệu số:**

a) Kết quả đạt được:

- Ủy ban nhân dân tỉnh đã ban hành Danh mục cơ sở dữ liệu (CSDL) dùng chung, dịch vụ chia sẻ dữ liệu, dữ liệu mở tỉnh Gia Lai (*Quyết định số 1004/QĐ-UBND ngày 09/11/2023*).

- Các sở, ban, ngành ứng dụng dịch vụ dữ liệu trên Nền tảng tích hợp, chia sẻ dữ liệu quốc gia như: CSDL quốc gia về Đăng ký doanh nghiệp (Bộ Kế hoạch và Đầu tư); CSDL quốc gia về bảo hiểm (Bảo hiểm xã hội Việt Nam); CSDL quốc gia về văn bản quy phạm pháp luật (Bộ Tư pháp); CSDL quốc gia về giá (Bộ Tài chính); CSDL đăng kiểm phương tiện (Bộ Giao thông vận tải); Hệ thống cấp phiếu lý lịch tư pháp trực tuyến (Bộ Tư pháp); Hệ thống thông tin đăng ký và quản lý hộ tịch (Bộ Tư pháp); Hệ thống cấp mã số đơn vị có quan hệ với ngân sách (Bộ Tài chính); Hệ thống thông tin quản lý danh mục điện tử dùng chung của các cơ quan nhà nước phục vụ phát triển Chính phủ điện tử Việt Nam (Bộ Thông tin và Truyền thông); CSDL cung - cầu lao động (Người tìm việc, việc tìm người) (Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội); CSDL Quản lý thông tin trẻ em tại cơ sở (Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội); CSDL Hệ thống thông tin trợ giúp xã hội và giảm nghèo (Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội); CSDL thông tin mộ và nghĩa trang liệt sĩ (Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội), CSDL người hưởng chính sách ưu đãi người có công (Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội); Hệ thống quản lý giao thông vận tải (Bộ Giao thông vận tải); Hệ thống mã bưu chính Vpostcode (Tổng Công ty Bưu điện Việt Nam); Hệ thống dịch vụ, tiện ích của Tập đoàn Điện lực Việt Nam (EVN); Hệ thống thông tin quốc gia về đăng ký hợp tác xã; Cổng dịch vụ công của Bộ Xây dựng; CSDL về giấy phép lái xe (GPLX) được đồng bộ dữ liệu về Cục Đường bộ Việt Nam quản lý và công khai thông tin trên trang thông tin giấy phép lái xe (<https://gplx.gov.vn>) và thực hiện dịch vụ công toàn trình về đổi GPLX trên cổng dịch vụ công quốc gia; duy trì CSDL thông tin ngành GTVT dựa trên nền hệ thống thông tin địa lý (GIS).

- Triển khai thử nghiệm hệ thống cơ sở dữ liệu (CSDL) Quản lý cán bộ, công chức, viên chức (CBCCVC) do Tập đoàn Bưu chính Viễn thông (VNPT) phát triển. Triển khai cập nhật vào cơ sở dữ liệu để tích hợp dữ liệu CBCCVC của tỉnh vào cơ sở

dữ liệu Quốc gia. Đến thời điểm hiện tại 100% hồ sơ cán bộ, công chức, viên chức được đồng bộ lên CSDL Quốc gia về cán bộ, công chức, viên chức. Một số sở, ngành (Sở Công thương, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn,...) đã phối hợp với các doanh nghiệp VNPT, Viettel triển khai thử nghiệm các cơ sở dữ liệu ngành theo chương trình hợp tác giữa UBND tỉnh với các doanh nghiệp.

- Kho dữ liệu điện tử của tổ chức, cá nhân trên Cổng dịch vụ công của tỉnh đã được triển khai và kết nối, tích hợp, chia sẻ dữ liệu kết quả giải quyết thủ tục hành chính (TTHC) từ Cổng dịch vụ công của tỉnh với Kho dữ liệu điện tử của tổ chức, cá nhân trên Cổng Dịch vụ công quốc gia.

b) Tồn tại, hạn chế: Tỉnh chưa xây dựng được Kho dữ liệu dùng chung, Nền tảng tổng hợp, phân tích dữ liệu, Cổng dữ liệu mở của tỉnh.

## **5. Nền tảng số:**

a) Kết quả đạt được:

- Ủy ban nhân dân tỉnh Gia Lai đã ban hành Công văn số 2627/UBND-KGVX ngày 12/11/2022 về công bố danh sách các nền tảng số ưu tiên sử dụng trên địa bàn tỉnh Gia Lai năm 2022 và những năm tiếp theo để ưu tiên sử dụng phục vụ phát triển Chính quyền số. Theo đó, nhiều tảng phục vụ Chính quyền số, Kinh tế số, Xã hội số đã được xây dựng, triển khai.

- Nền tảng tích hợp, chia sẻ dữ liệu (LGSP) của tỉnh đã triển khai kết nối để khai thác CSDL quốc gia về dân cư phục vụ xử lý TTHC, cung cấp dịch vụ công trực tuyến và triển khai sử dụng chính thức cho 236 dịch vụ công trực tuyến thiết yếu (183 cấp tỉnh, 37 cấp huyện, 16 cấp xã) có nhu cầu khai thác dữ liệu từ CSDL quốc gia về dân cư. Đồng thời, đã thực hiện kết nối chính thức với các hệ thống, CSDL của Trung ương thông qua NGSP như: CSDL quốc gia về Đăng ký doanh nghiệp (Bộ Kế hoạch và Đầu tư); CSDL quốc gia về bảo hiểm (Bảo hiểm xã hội Việt Nam); CSDL quốc gia về văn bản quy phạm pháp luật; Hệ thống cấp phiếu lý lịch tư pháp trực tuyến; Hệ thống thông tin đăng ký và quản lý hộ tịch (Bộ Tư pháp); Hệ thống thông tin quản lý danh mục điện tử dùng chung của các cơ quan nhà nước phục vụ phát triển Chính phủ điện tử Việt Nam (Bộ Thông tin và Truyền thông); Hệ thống phục vụ dịch vụ công (Tổng Công ty Bưu điện Việt Nam).

- Các hệ thống thông tin dùng chung cả tỉnh đã được triển khai theo các chỉ đạo của Trung ương trong xây dựng Chính quyền điện tử như: Nền tảng tích hợp, chia sẻ dữ liệu địa phương (LGSP); hệ thống Quản lý văn bản và điều hành tích hợp với chữ ký số chuyên dùng; hệ thống Một cửa điện tử triển khai 100% đơn vị hành chính từ cấp tỉnh đến cấp xã; phần mềm đánh giá sự hài lòng của công dân, doanh nghiệp trong xử lý TTHC; quản lý giao việc; thư điện tử công vụ; hệ thống thông tin báo cáo Chính phủ; Cổng thông tin điện tử tỉnh Gia Lai (<https://gialai.gov.vn>) và các trang thông tin điện tử các sở, ngành, Ủy ban nhân dân cấp huyện, xã cung cấp đầy đủ thông tin theo quy định, tăng cường giao tiếp điện tử với người dân và doanh nghiệp.

- Hệ thống hội nghị truyền hình của tỉnh đã triển khai đồng bộ từ tỉnh đến tất cả Ủy ban nhân dân cấp xã: Đã triển khai tại 255 điểm cầu hội nghị truyền hình (Tỉnh ủy; Đảng ủy khối; Ủy ban nhân dân tỉnh; các sở, ban, ngành; các Huyện ủy; Ủy ban nhân dân cấp huyện và Ủy ban nhân dân cấp xã).

b) Tồn tại, hạn chế: Một số nền tảng, hệ thống phục vụ Chính quyền số chậm xây dựng, triển khai (Nền tảng Hệ thống thông tin giải quyết TTHC, Hệ thống quản lý cơ sở

dữ liệu kết quả giải quyết TTHC tỉnh Gia Lai,...).

## **6. Nhân lực số:**

### **a) Kết quả đạt được:**

- Ủy ban nhân dân tỉnh đã chỉ đạo, thành lập 1.604 Tổ công nghệ số cộng đồng (CNSCĐ) tại 17 huyện, thị xã, thành phố và 220 xã, phường, thị trấn, nhằm hỗ trợ người dân trong tiếp cận công nghệ số, tham gia vào quá trình chuyển đổi số của địa phương.

- Triển khai Công văn số 2405/BTTTT-CĐSQG ngày 26/6/2023 của Cục Chuyển đổi số Quốc gia về việc đề xuất nhu cầu sử dụng Nền tảng học trực tuyến mở đại trà để triển khai công tác đào tạo, bồi dưỡng, tập huấn về chuyển đổi số; Sở Thông tin và Truyền thông tỉnh Gia Lai đã đề xuất nhu cầu sử dụng Nền tảng học trực tuyến mở đại trà để triển khai công tác đào tạo, bồi dưỡng, tập huấn về chuyển đổi số gửi Bộ Thông tin và Truyền thông.

b) Tồn tại, hạn chế: Nguồn nhân lực có chuyên môn về công nghệ thông tin của tỉnh còn yếu và thiếu; chưa có chính sách đãi ngộ đối với nguồn nhân lực chất lượng cao trong lĩnh vực công nghệ thông tin (là nhân lực tham mưu thực hiện chuyển đổi số tại các đơn vị, địa phương; nhân sự của Sở Thông tin và Truyền thông liên tục có biến động); chưa có chính sách để hỗ trợ cho Tổ công nghệ số cộng đồng. Tỉnh Gia Lai đã đăng ký đào tạo, bồi dưỡng về chuyển đổi số, tuy nhiên vẫn chưa được Bộ Thông tin và Truyền thông tổ chức đào tạo.

## **7. An toàn, an ninh thông tin mạng:**

### **a) Kết quả đạt được:**

- Các hệ thống thông tin dùng chung được vận hành tại Trung tâm Tích hợp dữ liệu của tỉnh được phê duyệt theo cấp độ, triển khai các phương án đảm bảo an toàn thông tin theo đúng quy định và được triển khai giải pháp giám sát an toàn thông tin (hệ thống SOC), kết nối với Trung tâm Giám sát an toàn không gian mạng quốc gia để được theo dõi, cảnh báo an toàn thông tin cho các hệ thống Chính quyền điện tử của tỉnh Gia Lai.

- Tỉnh đã xây dựng lực lượng tại chỗ, kiện toàn, duy trì hoạt động Đội ứng cứu sự cố an toàn thông tin mạng; tổ chức 02 khoá tập huấn, bồi dưỡng kiến thức phổ biến nâng cao nhận thức an toàn thông tin mạng; tổ chức diễn tập thực chiến bảo đảm an toàn thông tin mạng cho các thành viên Đội ứng cứu sự cố. Đồng thời cử nhiều lượt công chức phụ trách công nghệ thông tin, an toàn an ninh thông tin của các đơn vị tham gia các lớp tập huấn an toàn an ninh thông tin do Cục An toàn an ninh thông tin, Bộ Thông tin và Truyền thông tổ chức (17 người tham gia “Lớp bồi dưỡng, tập huấn về bảo đảm an toàn thông tin theo cấp độ và triển khai bảo đảm an toàn thông tin theo mô hình 4 lớp (khu vực miền Trung)” do Bộ Thông tin và Truyền thông tổ chức; 04 lượt tham gia 04 đợt Bồi dưỡng an toàn thông tin (ATTT) do Cục An toàn thông tin (Bộ Thông tin và Truyền thông) triệu tập; các thành viên Đội Ứng cứu sự cố ATTT mạng tỉnh cũng tham gia các đợt diễn tập thực chiến khu vực miền Trung – Tây Nguyên (do tỉnh Đắk Lắk chủ trì tổ chức); diễn tập quốc tế APCERT, diễn tập quốc tế ACID do Cục An toàn thông tin tổ chức cho Mạng lưới ứng cứu sự cố ATTT mạng quốc gia). Theo đánh giá của Bộ Thông tin và Truyền thông trong nhiều năm tỉnh Gia Lai nằm trong nhóm **B** (nhóm **Khá**) về an toàn thông tin.

b) Tồn tại, hạn chế: Đội ứng cứu sự cố ATTT mạng tỉnh Gia Lai đều là cán bộ, công chức phụ trách công nghệ thông tin tại các đơn vị, địa phương nên khối lượng



công việc kiêm nhiệm khá nhiều, khó bố trí thời gian tham gia được các đợt diễn tập, tập huấn một cách hiệu quả nhất.

## **8. Chính phủ số:**

### **a) Kết quả đạt được:**

- Toàn bộ TTHC của tỉnh (1.925) được cung cấp dưới dạng dịch vụ công trực tuyến, trong đó 943 dịch vụ công trực tuyến một phần và 982 dịch vụ công trực tuyến toàn trình được tích hợp tại Cổng Dịch vụ công của tỉnh (<https://dichvucong.gialai.gov.vn>). Thủ tục hành chính đủ điều kiện theo quy định của pháp luật được cung cấp dưới hình thức dịch vụ công trực tuyến toàn trình đạt 89%. Hiện nay có 837 dịch vụ công trực tuyến được tích hợp, cung cấp trên Cổng Dịch vụ công quốc gia đạt tỷ lệ 43,48%. Năm 2023, tỷ lệ hồ sơ trực tuyến/tổng số hồ sơ phát sinh (cả trực tuyến và trực tiếp) của các dịch vụ công trực tuyến toàn trình, một phần đạt 49,3% (116.133/235.558). Kết quả giải quyết TTHC được số hoá đạt 55%; hồ sơ TTHC được người dân, doanh nghiệp thực hiện trực tuyến đạt 74,45%.

- Các nhiệm vụ theo Đề án "Xây dựng thành phố Pleiku theo hướng đô thị thông minh" tiếp tục được triển khai; Ủy ban nhân dân thành phố Pleiku đã đầu tư xây dựng và chính thức đưa vào vận hành Trung tâm giám sát, điều hành và cung cấp một số dịch vụ đô thị thông minh (như: Phản ánh hiện trường, giám sát trật tự đô thị, giám sát giao thông,...) bước đầu đã đạt được một số kết quả tích cực. Ngành Giáo dục và Đào tạo đã triển khai các phòng học thông minh. Ngành Văn hóa, Thể thao và Du lịch đã triển khai xây dựng cơ sở dữ liệu, công thông tin điện tử và ứng dụng du lịch thông minh (tại địa chỉ: <https://gialaitourism.vn> và thông qua ứng dụng "Du lịch Gia Lai").

b) Tồn tại, hạn chế: Một số hệ thống phục vụ Chính quyền điện tử của tỉnh do xây dựng đã lâu, triển khai phân tán tại nhiều đơn vị, địa phương, công nghệ lạc hậu, tần suất, số lượng đơn vị sử dụng ngày càng nhiều...nên đôi lúc làm gián đoạn việc xử lý hồ sơ trên mạng, gây khó khăn trong việc đồng bộ dữ liệu với Cổng dịch vụ công quốc gia theo thời gian thực trên môi trường điện tử ...; tỷ lệ người dân, doanh nghiệp nộp hồ sơ trực tuyến chưa cao, chưa đáp ứng yêu cầu về chuyển đổi số cho người dân, doanh nghiệp.

## **9. Kinh tế số và Xã hội số:**

### **a) Kết quả đạt được:**

- Hiện nay 100% doanh nghiệp của tỉnh đã sử dụng hóa đơn điện tử; tỷ lệ doanh nghiệp nhỏ và vừa trên địa bàn tỉnh có sử dụng nền tảng số là 30%; tỷ lệ doanh nghiệp sử dụng hợp đồng điện tử, doanh nghiệp có đủ điều kiện sử dụng hợp đồng điện tử đạt 35%; tỷ lệ doanh nghiệp nhỏ và vừa được cung cấp thông tin, tiếp cận các nền tảng chuyển đổi số trên 90%; tỷ lệ doanh nghiệp nhỏ và vừa thường xuyên sử dụng các nền tảng chuyển đổi số đạt 30%; Tỷ trọng doanh thu thương mại điện tử trong tổng mức bán lẻ năm 2023 đạt 7,5%.

- 100% các siêu thị, trung tâm mua sắm, các đơn vị cung cấp dịch vụ điện, nước, viễn thông, truyền thông cơ sở phân phối hiện đại chấp nhận thanh toán không dùng tiền mặt phục vụ người tiêu dùng. 100% doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh đã thực hiện khai thuế điện tử, tỷ lệ tổ chức, doanh nghiệp, hộ kinh doanh theo phương pháp kê khai sử dụng hóa đơn điện tử đạt 100%. Hơn 20% các doanh nghiệp có giao dịch thương mại điện tử.

- Tỷ lệ thuê bao điện thoại di động sử dụng điện thoại thông minh đạt 65,6%; tỷ

lệ hộ gia đình có đường Internet cáp quang băng rộng đạt 55,5%; tỷ lệ người dân sử dụng Internet đạt 68%; tỷ lệ dân số trưởng thành được cấp tài khoản định danh, xác thực điện tử đạt 65,66% (825.384/1.257.210 dân số); tỷ lệ dân số trưởng thành có tài khoản định danh điện tử đạt 52,89% (664.940/1.257.210); tỷ lệ dân số trưởng thành có chữ ký số hoặc chữ ký điện tử cá nhân đạt 0,36%; tỷ lệ dân số từ 15 tuổi trở lên có tài khoản giao dịch thanh toán tại ngân hàng hoặc tổ chức được phép khác đạt 67,9% (1.744.370 tài khoản ngân hàng); tỷ lệ dân số trưởng thành có tài khoản dịch vụ công trực tuyến đạt 1,57% (số lượng tài khoản của người dân sử dụng dịch vụ công trực tuyến là 19.689, số lượng dân số ở độ tuổi trưởng thành 1.257.210).

b) Tồn tại, hạn chế:

- Các giải pháp huy động sự tham gia của các doanh nghiệp còn chưa hiệu quả; chưa có nhiều doanh nghiệp tham gia, nên việc triển khai các chương trình về hỗ trợ doanh nghiệp, nhất là doanh nghiệp nhỏ và vừa còn nhiều hạn chế. Sở Thông tin và Truyền thông đã 02 lần thông báo đến các doanh nghiệp nhỏ và vừa để được hỗ trợ chuyển đổi số theo Nghị định số 80/2021/NĐ-CP ngày 26/8/2021 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa; tuy nhiên không có doanh nghiệp đăng ký để được hỗ trợ.

- Doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực công nghệ thông tin tại tỉnh rất ít, chủ yếu kinh doanh thiết bị công nghệ thông tin, viễn thông; chưa có doanh nghiệp công nghệ số đủ năng lực, kinh nghiệm tham gia, thúc đẩy chuyển đổi số của địa phương. Hoạt động chuyển đổi số trong sản xuất, kinh doanh trong các doanh nghiệp vẫn còn nhiều hạn chế.

- Nhiều chỉ tiêu về chuyển đổi số có yêu cầu rất cao, nhất là các chỉ tiêu về kinh tế số và xã hội số vì liên quan đến người dân, doanh nghiệp, cách xác định tỷ lệ mà Trung ương hướng dẫn công thức tính chưa phù hợp cũng như cách thu thập, xác định các tỷ lệ này chưa có nên chỉ ước lượng hoặc không có số liệu (Ví dụ: Tỷ lệ doanh nghiệp nhỏ và vừa sử dụng nền tảng số; Tỷ lệ người dân từ 15 tuổi trở lên có tài khoản giao dịch tại ngân hàng hoặc các tổ chức cho phép khác; Tỷ lệ người dân có hồ sơ sức khỏe điện tử ...); trong khi đó mặt bằng chung về trình độ công nghệ thông tin của người dân còn thấp; thói quen và điều kiện hoạt động trên môi trường số của người dân ở khu vực nông thôn, vùng sâu vùng xa còn có khoảng cách lớn so với khu vực đô thị.

## **10. Một số kết quả chuyển đổi số nổi bật của các lĩnh vực:**

### **10.1. Chuyển đổi số trong lĩnh vực Y tế:**

- Triển khai Hệ thống thông tin Quốc gia về Quản lý kê đơn thuốc và bán thuốc theo đơn (<https://donthuocquocgia.vn>); tổ chức tập huấn cho toàn bộ các cơ sở điều trị trên địa bàn tỉnh. Thực hiện liên thông đơn thuốc quốc gia: Đến nay đã thực hiện cấp 392 mã liên thông cho các cơ sở khám bệnh, chữa bệnh, cấp 1.088 mã liên thông cho người kê đơn là y, bác sĩ và liên thông dữ liệu lên hệ thống *donthuocquocgia.vn* với 1.046.602 đơn thuốc điện tử liên thông. Theo kế hoạch sẽ tiếp tục triển khai việc kê đơn và liên thông đến các phòng khám tư nhân trên địa bàn toàn tỉnh.

- Về liên thông dữ liệu Giấy khám sức khỏe lái xe, Giấy chứng sinh, Giấy báo tử phục vụ Đề án 06: Đến nay, có 16 cơ sở khám bệnh, chữa bệnh đã công bố đủ điều kiện khám sức khỏe lái xe, đã thực hiện liên thông dữ liệu khám sức khỏe lái xe theo hướng dẫn của Bộ Y tế, và đã liên thông 30.410 giấy khám sức khỏe lái xe. Các cơ sở y tế đã liên thông 7.950 giấy chứng sinh và 137 giấy báo tử lên Cổng giám định Bảo

hiểm y tế của Bảo hiểm xã hội Việt Nam.

- Triển khai mô hình điểm “Khám chữa bệnh sử dụng thẻ căn cước công dân (CCCD) gắn chip điện tử và ứng dụng VNeID”: Tất cả các cơ sở khám, chữa bệnh bảo hiểm y tế trên địa bàn tỉnh (250/250 cơ sở triển khai khám bệnh) đã thực hiện khám bệnh, chữa bệnh bằng CCCD gắn chip điện tử và ứng dụng VNeID.

**10.2. Chuyển đổi số trong lĩnh vực Du lịch:** Triển khai hướng dẫn các doanh nghiệp tiếp tục cập nhật thông tin trên Cổng thông tin điện tử, Cổng thông tin du lịch ([gialaitourism.vn](http://gialaitourism.vn)) và cơ sở dữ liệu chuyên ngành du lịch; đôn đốc các doanh nghiệp du lịch thực hiện báo cáo qua phần mềm thống kê của Tổng cục Du lịch ([thongke.tourism.vn](http://thongke.tourism.vn)). Hiện nay, có khoảng 80 doanh nghiệp tham gia cập nhật số liệu, dữ liệu trên hệ thống Cổng thông tin điện tử; ứng dụng du lịch thông minh và cơ sở dữ liệu chuyên ngành du lịch; hỗ trợ hướng dẫn trực tiếp tại 25 doanh nghiệp du lịch cập nhật cơ sở dữ liệu, để các đơn vị, tổ chức du lịch phát huy tối đa hiệu suất và hiệu quả hoạt động của Cổng du lịch thông minh tỉnh Gia Lai; tổ chức tập huấn cho 150 doanh nghiệp tham gia chuyển đổi số trong du lịch trên địa bàn tỉnh.

**10.3. Chuyển đổi số trong lĩnh vực Giáo dục và Đào tạo:** Tiếp tục khai thác sử dụng các hệ thống thông tin, phần mềm, cơ sở dữ liệu của ngành trong dạy, học và công tác quản lý; thực hiện tuyển sinh đầu cấp qua dịch vụ công trực tuyến tại các cấp học; triển khai cung cấp dịch vụ tra cứu kết quả thi tốt nghiệp THPT qua ứng dụng Zalo (chuyên mục Chính quyền điện tử) để tạo thuận tiện cho thí sinh tra cứu, giảm tải áp lực cho các hệ thống công bố kết quả thi. Các cơ sở giáo dục thực hiện việc cập nhật dữ liệu trên Hệ thống CSDL của ngành Giáo dục (<https://csdl.gialai.edu.vn>); xây dựng, hoàn thiện hệ thống CSDL ngành đồng bộ, kết nối liên thông với CSDL quốc gia về dân cư. Triển khai thí điểm mô hình “Trường học thông minh” ở 7 cơ sở giáo dục trên địa bàn thành phố Pleiku và hệ thống Elearning tại trường THPT chuyên Hùng Vương - thành phố Pleiku theo Đề án “Xây dựng thành phố Pleiku theo hướng đô thị thông minh giai đoạn 2020-2025, định hướng đến năm 2030” và Mô hình “Trường học không tiền mặt”; tỷ trọng thanh toán học phí không dùng tiền mặt đạt 67,4%.

**10.4. Chuyển đổi số trong lĩnh vực Giáo dục nghề nghiệp:** Các cơ sở giáo dục nghề nghiệp đã lồng ghép vào chương trình đào tạo, các môn học liên quan tới kỹ năng số, công nghệ thông tin nhằm cung cấp các kỹ năng số cơ bản, nâng cao cho học viên. Đẩy mạnh sử dụng các phần mềm và ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động giáo dục nghề nghiệp. Cập nhật, khai thác, sử dụng các phần mềm quản lý dữ liệu về giáo dục nghề nghiệp của Tổng Cục Giáo dục nghề nghiệp (*Phần mềm cơ sở dữ liệu giáo dục nghề nghiệp [csdl.gdnn.gov.vn](http://csdl.gdnn.gov.vn); Trang thông tin tuyển sinh giáo dục nghề nghiệp và Ứng dụng Chọn nghề trên thiết bị di động [tuyensinh.gdnn.gov.vn](http://tuyensinh.gdnn.gov.vn); Trang thông tin tra cứu văn bằng giáo dục nghề nghiệp [vanbang.gdnn.gov.vn](http://vanbang.gdnn.gov.vn)*).

#### **10.5. Chuyển đổi số trong lĩnh vực Nông nghiệp:**

- Sử dụng có hiệu quả các phần mềm do Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn triển khai gồm: Phần mềm cơ sở dữ liệu mùa vụ trồng rừng phục vụ sản xuất; Phần mềm quản lý dữ liệu bảo vệ thực vật PPDMS 2.0; Phần mềm cơ sở dữ liệu về quản lý mã số vùng trồng và cơ sở đóng gói trên địa bàn tỉnh Gia Lai (theo dõi, quản lý, cập nhật thông tin các mã số vùng trồng, cơ sở đóng gói); CSDL quản lý chất lượng an toàn thực phẩm đối với nông sản, lâm sản, thủy sản; dữ liệu phục vụ phân tích và dự

báo thị trường nông sản; CSDL quản lý Lâm nghiệp (theo dõi diễn biến rừng); Phần mềm phát hiện sớm cháy rừng HostportGla trong công tác phòng cháy chữa cháy rừng; CSDL về nuôi trồng thủy sản; CSDL về quan trắc môi trường trong nuôi trồng thủy sản; CSDL về giống thủy sản, thức ăn thủy sản, sản phẩm xử lý môi trường nuôi trồng thủy sản; Hệ thống báo cáo dịch bệnh trực tuyến (VAHIS); Cập nhật và bổ sung các CSDL dùng chung lĩnh vực Lâm nghiệp gồm: CSDL thông tin về cơ sở sản xuất, kinh doanh giống cây trồng lâm nghiệp; CSDL thông tin về bản đồ 3 loại rừng; CSDL khung giá rừng.

- Trên địa bàn tỉnh Gia Lai có 18 vùng sản xuất có ứng dụng công nghệ cao với tổng diện tích 3.489,6 ha; có 03 doanh nghiệp được cấp giấy chứng nhận Doanh nghiệp nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao.

- Hỗ trợ các doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ kinh doanh triển khai thương mại điện tử. Các sản phẩm OCOP được bán trên các sàn thương mại điện tử Vò Sò (voso.vn), sàn thương mại điện tử của Tổng Công ty Bưu điện Việt Nam, SnartGAP, KiotVIET, Sendo, Viettel Post,... 100% các sản phẩm OCOP đã được gắn tem truy xuất nguồn gốc sử dụng mã QRCode. Đến nay đã có 88 hợp tác xã thực hiện liên kết với doanh nghiệp và 32 hợp tác xã ứng dụng công nghệ cao trong sản xuất nông nghiệp.

**10.6. Chuyển đổi số trong quản lý nhà nước về Khoa học và Công nghệ (KH&CN):** Thu thập thông tin, số hoá cơ sở dữ liệu KH&CN tỉnh Gia Lai, cơ sở dữ liệu tổ chức KH&CN, cơ sở dữ liệu cán bộ nghiên cứu KH&CN. Đã triển khai cập nhật 117 dữ liệu các đề tài, dự án KH&CN cấp tỉnh; 64 tổ chức KH&CN trên cả nước; 91 công bố KH&CN liên quan đến tỉnh Gia Lai. Hoàn thiện WebGis cơ sở dữ liệu cây thuốc tỉnh Gia Lai (<http://caythuocgialai.com.vn>). Xây dựng và đưa vào hoạt động trang thông tin hỗ trợ quản lý và phát triển chỉ dẫn địa lý cà phê Gia Lai (<http://caphegialai.com.vn>), trang thông tin trình độ công nghệ tỉnh Gia Lai (<https://trinhdocongnghe.gialai.gov.vn>) nhằm phục vụ cho công tác quản lý, phát triển công nghệ sản xuất trên địa bàn tỉnh. Duy trì hoạt động Cổng thông tin khởi nghiệp tỉnh (<https://startup.gialai.gov.vn>) và kết nối Cổng thông tin khởi nghiệp Quốc gia, nhằm cung cấp thông tin về khởi nghiệp đổi mới sáng tạo trên phạm vi toàn quốc cho các tổ chức, cá nhân có nhu cầu.

#### **10.7. Chuyển đổi số trong lĩnh vực Tài chính, thương mại, ngân hàng:**

- Triển khai, khai thác hiệu quả các ứng dụng công nghệ thông tin (CNTT) của Bộ Tài chính: Hệ thống Thông tin Quản lý Ngân sách và Kho bạc (TABMIS), tra cứu giao dịch dở dang, Kho thu chi ngân sách nhà nước, Trao đổi thông tin (TĐTT), Cấp mã số đơn vị có quan hệ ngân sách, mã số dự án đầu tư xây dựng cơ bản, Tổng hợp thông tin tính chỉ số ICT index, Phần mềm báo cáo thống kê, phần mềm quản lý tài sản, phần mềm nước sạch nông thôn; các ứng dụng CNTT phục vụ công tác chuyên môn do Sở Tài chính quản lý: CSDL quốc gia về giá trên địa bàn tỉnh Gia Lai, phần mềm quản lý tài sản công tỉnh Gia Lai, phần mềm Hệ thống quản lý tài chính đơn vị hành chính sự nghiệp trên địa bàn tỉnh.

- Tăng cường tuyên truyền, hướng dẫn và triển khai các giải pháp thúc đẩy việc thanh toán không dùng tiền mặt, nhất là trong các cơ sở giáo dục, y tế.

#### **10.8. Hỗ trợ doanh nghiệp chuyển đổi số:**

- Tăng cường hướng dẫn và hỗ trợ doanh nghiệp nộp hồ sơ đăng ký kinh doanh qua mạng (online). Kết quả tỷ lệ hồ sơ giải quyết qua mạng điện tử (online) đạt 99%

và hạn chế tối thiểu doanh nghiệp tiếp xúc trực tiếp với cán bộ “một cửa” và cán bộ thụ lý giải quyết hồ sơ; tạo thuận lợi, giảm thời gian và chi phí đi lại cho doanh nghiệp. Thường xuyên rà soát, chuẩn hóa, đơn giản hóa quy trình giải quyết các TTHC đăng ký kinh doanh của doanh nghiệp nhằm đảm bảo phù hợp với hình thức dịch vụ công trực tuyến. Tỷ lệ doanh nghiệp nhỏ và vừa trên địa bàn tỉnh có sử dụng nền tảng số là 30% (tính trên số doanh nghiệp được triết xuất với ngành nghề đăng ký lĩnh vực công nghệ thông tin). 100% doanh nghiệp của tỉnh đã sử dụng hóa đơn điện tử.

- Đào tạo nâng cao kỹ năng quản lý nguồn nhân lực cho doanh nghiệp công nghệ số, năng lực cạnh tranh của doanh nghiệp công nghệ số: Hiện nay, tỉnh đã triển khai khảo sát nhu cầu đào tạo của doanh nghiệp nhỏ và vừa với nguồn kinh phí khoảng 296,3 triệu đồng và xây dựng kế hoạch đào tạo bồi dưỡng nguồn nhân lực, trong đó có các nội dung về chuyển đổi số (Khóa đào tạo kiến thức, kinh nghiệm cơ bản về khởi sự kinh; quản trị kinh doanh cơ bản; quản trị kinh doanh chuyên sâu; quản trị marketing, truyền thông và bán hàng; quản trị nguồn nhân lực - quản trị nhân sự,...).

- Phối hợp với Cục Phát triển doanh nghiệp và Cơ quan Phát triển quốc tế Hoa Kỳ USAID thông qua Dự án LinkSME triển khai Chương trình đào tạo chuyển đổi số cho doanh nghiệp nhỏ và vừa để từng bước nâng cao năng lực về chuyển đổi số của cộng đồng doanh nghiệp, và giới thiệu các hỗ trợ của Chương trình. Khóa đào tạo "Chuyển đổi số mô hình kinh doanh và ứng dụng tiếp thị số cho doanh nghiệp nhỏ và vừa tỉnh Gia Lai" có sự tham dự của hơn 70 đại biểu tới từ các doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh Gia Lai. Qua buổi đào tạo, các đại biểu đã được đội ngũ chuyên gia của Chương trình cung cấp kiến thức về chuyển đổi số, áp dụng công nghệ số trong kinh doanh và tiếp thị cho doanh nghiệp.

## **12. Kinh phí thực hiện:**

Các đơn vị, địa phương, các doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh đã quan tâm bố trí kinh phí cho các nhiệm vụ, dự án phát triển chính quyền điện tử, chính quyền số, chuyển đổi số năm 2023. Việc sử dụng kinh phí để đầu tư triển khai đầu tư ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số được thực hiện tiết kiệm, hiệu quả.

*(Chi tiết tại Phụ lục 02 kèm theo).*

## **Phần II**

### **NỘI DUNG KẾ HOẠCH CHUYỂN ĐỔI SỐ NĂM 2024**

#### **I. CĂN CỨ LẬP KẾ HOẠCH**

- Luật Công nghệ thông tin;
- Luật An toàn thông tin mạng;
- Nghị quyết số 52-NQ/TW ngày 27 tháng 9 năm 2019 của Bộ Chính trị về một số chủ trương, chính sách chủ động tham gia cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ tư;
- Nghị quyết số 50/NQ-CP ngày 17 tháng 4 năm 2020 của Chính phủ về ban hành Chương trình hành động thực hiện Nghị quyết số 52-NQ/TW;
- Nghị quyết số 01/NQ-CP ngày 05 tháng 01 năm 2024 của Chính phủ về nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu thực hiện Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và dự toán ngân sách nhà nước năm 2024;
- Quyết định số 749/QĐ-TTg ngày 03 tháng 6 năm 2020 của Thủ tướng Chính phủ

- về phê duyệt Chương trình chuyển đổi số quốc gia đến năm 2025, định hướng năm 2030;
- Quyết định số 942/QĐ-TTg ngày 15 tháng 6 năm 2021 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt Chiến lược phát triển Chính phủ điện tử hướng tới Chính phủ số giai đoạn 2021-2025, định hướng đến năm 2030;
  - Quyết định số 2568/QĐ-BTTTT ngày 29 tháng 12 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông về ban hành Khung Kiến trúc Chính phủ điện tử Việt Nam, phiên bản 3.0, hướng tới Chính phủ số;
  - Quyết định số 146/QĐ-TTg ngày 28 tháng 01 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt Đề án "Nâng cao nhận thức, phổ cập kỹ năng và phát triển nguồn nhân lực chuyển đổi số quốc gia đến năm 2025, định hướng đến năm 2030";
  - Quyết định số 411/QĐ-TTg ngày 31 tháng 3 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt Chiến lược quốc gia phát triển kinh tế số và xã hội số đến năm 2025, định hướng đến năm 2030;
  - Quyết định số 505/QĐ-TTg ngày 22 tháng 4 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ về Ngày Chuyển đổi số quốc gia;
  - Quyết định số 964/QĐ-TTg ngày 10 tháng 8 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt Chiến lược An toàn, An ninh mạng quốc gia, chủ động ứng phó với các thách thức từ không gian mạng đến năm 2025, tầm nhìn 2030;
  - Nghị quyết số 04-NQ/TU ngày 20 tháng 01 năm 2022 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Gia Lai (khoá XVI) về chuyển đổi số tỉnh Gia Lai đến năm 2025, định hướng đến năm 2030;
  - Chương trình hành động số 921/ UBND-CTHD ngày 12 tháng 5 năm 2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Gia Lai về triển khai thực hiện Nghị quyết số 04-NQ/TU ngày 20/01/2022 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Gia Lai (khoá XVI) về chuyển đổi số tỉnh Gia Lai đến năm 2025, định hướng đến năm 2030;
  - Quyết định số 797/QĐ-UBND ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh Gia Lai về ban hành Kế hoạch xây dựng Chính quyền điện tử, Chính quyền số và đảm bảo an toàn thông tin tỉnh Gia Lai giai đoạn 2021-2025;
  - Quyết định số 598/QĐ-UBND ngày 03 tháng 11 năm 2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh Gia Lai về ban hành Kế hoạch phát triển Thương mại điện tử giai đoạn 2021-2025, định hướng đến năm 2030;
  - Quyết định số 77/QĐ-UBND ngày 08 tháng 02 năm 2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh Gia Lai về ban hành Đề án Xây dựng thành phố Pleiku theo hướng đô thị thông minh giai đoạn 2021-2025;
  - Quyết định số 1004/QĐ-UBND ngày 09 tháng 11 năm 2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Gia Lai về việc ban hành Danh mục cơ sở dữ liệu dùng chung, dịch vụ chia sẻ dữ liệu, dữ liệu mở tỉnh Gia Lai;
  - Kế hoạch số 2415/KH-UBND ngày 03 tháng 12 năm 2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh Gia Lai về Chuyển đổi số tỉnh Gia Lai giai đoạn 2021-2025 định hướng đến 2030;
  - Kế hoạch số 1901/KH-UBND ngày 14 tháng 9 năm 2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh Gia Lai về chủ động tham gia Cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ tư;
  - Kế hoạch số 1609/KH-UBND ngày 22 tháng 10 năm 2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh Gia Lai về phát triển doanh nghiệp công nghệ số giai đoạn 2021-2025, định hướng đến năm 2030;

- Kế hoạch số 2200/KH-UBND ngày 31 tháng 12 năm 2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh Gia Lai về triển khai thực hiện chuyển đổi IPv6 trong các cơ quan nhà nước trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2021-2025;

- Kế hoạch số 665/KH-UBND ngày 07 tháng 4 năm 2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Gia Lai về Tổ chức triển khai diễn tập thực chiến bảo đảm an toàn thông tin mạng trên địa bàn tỉnh Gia Lai;

- Kế hoạch số 555/KH-UBND ngày 24 tháng 3 năm 2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Gia Lai về triển khai Đề án “Nâng cao nhận thức, phổ cập kỹ năng và phát triển nguồn nhân lực chuyển đổi số quốc gia”;

- Kế hoạch số 183/KH-UBND ngày 26 tháng 01 năm 2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Gia Lai về triển khai “Đề án phát triển ứng dụng về dữ liệu dân cư, định danh và xác thực điện tử phục vụ chuyển đổi số quốc gia”;

- Kế hoạch số 952/KH-UBND ngày 16 tháng 5 năm 2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Gia Lai về triển khai Nền tảng địa chỉ số quốc gia gắn với bản đồ số trên địa bàn tỉnh Gia Lai;

- Kế hoạch 1331/KH-UBND ngày 22 tháng 6 năm 2022 của Ủy ban nhân dân Gia Lai về triển khai thực hiện Quyết định số 411/QĐ-TTg ngày 31/3/2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chiến lược quốc gia phát triển kinh tế số và xã hội số đến năm 2025, định hướng đến năm 2030 trên địa bàn tỉnh Gia Lai;

- Kế hoạch số 2167/KH-UBND ngày 23 tháng 9 năm 2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Gia Lai về đào tạo và phát triển nguồn nhân lực an toàn thông tin giai đoạn 2022-2025 trên địa bàn tỉnh Gia Lai;

- Kế hoạch số 2575/KH-UBND ngày 25 tháng 9 năm 2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Gia Lai về việc phát triển hạ tầng số tỉnh Gia Lai giai đoạn 2023-2025;

- Kế hoạch số 3015/KH-UBND ngày 02/11/2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Gia Lai về việc nâng cao chỉ số Chuyển đổi số của tỉnh Gia Lai năm 2023 và các năm tiếp theo;

- Công văn số 6074/BTTTT-CĐSQG ngày 06 tháng 12 năm 2023 của Bộ Thông tin và Truyền thông về việc hướng dẫn các bộ, ngành, địa phương thực hiện Chuyển đổi số cấp bộ, cấp tỉnh.

## II. MỤC TIÊU

### 1. Mục tiêu chung:

- Nhiệm vụ trọng tâm tập trung theo chủ đề năm 2024 “**Phát triển kinh tế số với 04 trụ cột công nghiệp công nghệ thông tin, số hóa các ngành kinh tế, quản trị số, dữ liệu số - Động lực quan trọng cho phát triển kinh tế - xã hội nhanh và bền vững**”; do đó, tỉnh Gia Lai cần tập trung các nhiệm vụ duy trì và phát triển hạ tầng số để phát triển Chính quyền số và thúc đẩy kinh tế số, phát triển xã hội số.

- Đẩy mạnh thực hiện chuyển đổi số tỉnh Gia Lai theo Chương trình chuyển đổi số quốc gia; triển khai kịp thời, đồng bộ, hiệu quả các nhiệm vụ của năm 2024 theo các chỉ đạo, hướng dẫn của Chính phủ, Ủy ban quốc gia về chuyển đổi số và các Bộ, ngành Trung ương và các nội dung theo Chương trình hành động số 921/CTHĐ-UBND ngày 12/5/2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Gia Lai triển khai thực hiện Nghị quyết số 04-NQ/TU của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Gia Lai (khoá XVI) về chuyển đổi số tỉnh Gia Lai đến năm 2025, định hướng đến năm 2030.

- Tiếp tục các nhiệm vụ xây dựng Chính quyền điện tử tỉnh Gia Lai hướng tới Chính quyền số theo các chỉ đạo của Chính phủ và hướng dẫn của Bộ Thông tin và Truyền thông.

- Nâng cao hiệu quả công tác lãnh đạo, chỉ đạo, phối hợp chặt chẽ giữa các cơ quan, đơn vị, tổ chức, doanh nghiệp và huy động sự tham gia tích cực của người dân trong việc thực hiện chuyển đổi số trên địa bàn tỉnh.

## **2. Mục tiêu cụ thể:**

Phân đầu hoàn thành một số chỉ tiêu quan trọng như:

- Tỷ lệ người dân trưởng thành có sử dụng dịch vụ công trực tuyến đạt 40%.
  - Tỷ lệ cung cấp dịch vụ công trực tuyến toàn trình trên tổng số TTHC có đủ điều kiện trên Cổng Dịch vụ công quốc gia đạt 80%.
  - Tỷ lệ thanh toán trực tuyến trên Cổng Dịch vụ công quốc gia trên tổng số giao dịch thanh toán của dịch vụ công đạt 45%.
  - Tỷ lệ hồ sơ trực tuyến trên tổng số hồ sơ tiếp nhận, giải quyết TTHC đạt 50%.
  - Tỷ lệ số hóa hồ sơ, kết quả giải quyết TTHC đạt 80%.
  - Tỷ lệ kết quả xử lý hồ sơ TTHC của bộ, ngành, địa phương được đồng bộ đầy đủ trên Cổng Dịch vụ công quốc gia đạt 100%.
  - Tỷ lệ xử lý văn bản, hồ sơ công việc (trừ hồ sơ mật) trên môi trường mạng:
    - + Đối với các sở, ngành và tương đương thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh đạt 100%.
    - + Đối với các phòng, ban và tương đương thuộc Ủy ban nhân dân cấp huyện đạt 95%.
    - + Đối với Ủy ban nhân dân cấp xã đạt 80%.
  - Tỷ lệ thuê bao điện thoại di động sử dụng điện thoại thông minh đạt 70%.
  - Tỷ lệ hộ gia đình có đường Internet cáp quang băng rộng đạt 60%.
  - Tỷ lệ dân số trưởng thành có tài khoản định danh điện tử đạt 60%.
- Các chỉ tiêu khác thực hiện theo Kế hoạch hoạt động năm 2024 của Ủy ban Quốc gia về chuyển đổi số.

## **III. NHIỆM VỤ**

### **1. Thể chế số:**

- Các đơn vị, địa phương rà soát, tham mưu sửa đổi, bổ sung các văn bản quy phạm pháp luật, văn bản hành chính của tỉnh theo các chỉ đạo mới nhất của Chính phủ và hướng dẫn của các Bộ, ngành Trung ương về triển khai chuyển đổi số; tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành các văn bản theo phân công nhiệm vụ được giao tại Kế hoạch số 3015/KH-UBND ngày 02/11/2023 về Nâng cao chỉ số Chuyển đổi số của tỉnh Gia Lai năm 2023 và các năm tiếp theo nhằm hoàn thiện cơ chế, chính sách về chuyển đổi số.

- Cụ thể hóa các yêu cầu, chỉ đạo của Chính phủ, Bộ, ngành, phù hợp với điều kiện của tỉnh nhằm tạo ra môi trường pháp lý thuận lợi cho việc đẩy mạnh Chuyển đổi số, gắn kết chặt chẽ giữa cải cách TTHC với chuyển đổi số.

- Tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành 4 chính sách đã được Ủy ban nhân dân tỉnh giao tại Kế hoạch số 3015/KH-UBND ngày 02/11/2023: (1) Chính sách cung



cấp và sử dụng dịch vụ công trực tuyến toàn trình (*Sở Thông tin và Truyền thông chủ trì khi có hướng dẫn của Trung ương*); (2) Chính sách tỷ lệ chi tối thiểu và hướng dẫn định mức chi cho ứng dụng công nghệ thông tin, chuyên đổi số (*Sở Tài chính chủ trì*); (3) Chính sách chuyên đổi số doanh nghiệp nhỏ và vừa (*Sở Kế hoạch và Đầu tư chủ trì*); (4) Chính sách thuê chuyên gia chuyên đổi số (*Sở Thông tin và Truyền thông chủ trì*).

- Sở Thông tin và Truyền thông chủ trì, phối hợp với các đơn vị, địa phương tiếp tục triển khai thực hiện các nhiệm vụ được giao tại Quyết định số 1198/QĐ-TTg ngày 13/10/2023 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Kế hoạch triển khai thi hành Luật Giao dịch điện tử và Kế hoạch số 3432/KH-UBND ngày 06/12/2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh triển khai thi hành Luật Giao dịch điện tử trên địa bàn tỉnh Gia Lai; tập trung rà soát, sửa đổi chính sách thuộc thẩm quyền của địa phương, đồng bộ với Luật Giao dịch điện tử và gửi kết quả về Bộ Thông tin và Truyền thông để tổng hợp.

- Tổ chức sơ kết việc thực hiện Nghị quyết số 04-NQ/TU của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Gia Lai (khoá XVI) về chuyên đổi số tỉnh Gia Lai đến năm 2025, định hướng đến năm 2030.

## **2. Hạ tầng số:**

- Phát triển hạ tầng mạng truyền số liệu chuyên dùng chất lượng cao theo hướng thuê dịch vụ từ các doanh nghiệp viễn thông đảm bảo kết nối thông suốt từ cấp tỉnh đến cấp xã, mở rộng các đối tượng liên quan tham gia một cách thống nhất, đồng bộ và tin cậy phục vụ cho chuyên đổi số và phát triển dịch vụ đô thị thông minh của tỉnh; tiếp tục duy trì, vận hành có hiệu quả Mạng diện rộng (WAN) của tỉnh.

- Tiếp tục triển khai dự án “Xây dựng chính quyền điện tử tiến tới xây dựng chính quyền số”, trong đó tập trung nâng cấp Trung tâm tích hợp dữ liệu để xây dựng, phát triển đồng bộ hạ tầng dữ liệu; xây dựng hệ thống Trung tâm tích hợp dữ liệu tỉnh thành Trung tâm dữ liệu tập trung của tỉnh đạt tiêu chuẩn quốc gia để phục vụ nhu cầu chuyên đổi số của địa phương, tiến tới Chính quyền số và cung cấp thông tin, dịch vụ, đảm bảo phát triển, vận hành hệ thống ứng dụng Chính quyền số một cách an toàn, bảo mật.

- Duy trì, hoàn thiện hệ thống trang thiết bị họp trực tuyến của các cơ quan nhà nước (CQNN) từ cấp tỉnh đến cấp xã và tiếp tục triển khai các phòng họp trực tuyến cho các đơn vị cấp tỉnh nhằm mở rộng, hoàn thiện hệ thống Hội nghị truyền hình của tỉnh; hiện đại hoá công tác họp, trao đổi chuyên môn, phổ biến văn bản và đào tạo, tập huấn qua hình thức trực tuyến.

- Tiếp tục triển khai Kế hoạch số 2200/KH-UBND ngày 31/12/2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh Gia Lai triển khai thực hiện chuyên đổi IPv6 trong các cơ quan nhà nước trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2021-2025.

- Chỉ đạo, hướng dẫn các doanh nghiệp viễn thông đẩy mạnh phát triển, nâng cấp cơ sở hạ tầng mạng di động đảm bảo chất lượng phục vụ phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm quốc phòng, an ninh và nâng cao chất lượng cuộc sống của nhân dân; tăng cường phát triển thuê bao băng rộng cố định FTTH tới hộ gia đình; đảm bảo cung cấp dịch vụ truy nhập Internet băng thông rộng tốc độ cao được phổ cập tới các cơ quan, tổ chức, bệnh viện, trường học,... Ưu tiên phát triển hạ tầng viễn thông băng rộng chất lượng cao trong các khu công nghiệp, trung tâm nghiên cứu, phát triển, đổi mới sáng tạo, cơ quan nhà nước, trường học, bệnh viện, địa điểm du lịch trên địa bàn tỉnh.

- Phối hợp các đơn vị trực thuộc Bộ Thông tin và Truyền thông tham mưu triển

khai hiệu quả Chương trình viễn thông công ích đến năm 2025. Trong đó có việc hỗ trợ điện thoại thông minh, hỗ trợ sử dụng internet băng rộng cố định cho các hộ nghèo, hộ cận nghèo trên địa bàn tỉnh theo quy định.

- Nâng cấp, hoàn thiện hệ thống mạng LAN, máy tính, máy in, máy quét, thiết bị số hóa... đáp ứng yêu cầu chuyển đổi số ở các cấp, các ngành.

### **3. Nhân lực số:**

- Kiện toàn tổ chức, bộ máy, xây dựng, củng cố mạng lưới đơn vị chuyên trách và nhân sự hỗ trợ triển khai từ tỉnh đến cơ sở để triển khai các nhiệm vụ chuyển đổi số, xây dựng chính quyền số, kinh tế số, xã hội số theo Quyết định số 1690/QĐ-TTg ngày 26/12/2023 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt Đề án "Kiện toàn tổ chức bộ máy, nâng cao năng lực quản lý nhà nước và thực thi pháp luật về chuyển đổi số từ trung ương đến địa phương đến năm 2025, định hướng đến năm 2030".

- Triển khai hiệu quả Kế hoạch số 2167/KH-UBND ngày 23/9/2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Gia Lai về đào tạo và phát triển nguồn nhân lực an toàn thông tin giai đoạn 2022 – 2025 trên địa bàn tỉnh Gia Lai.

- Triển khai các chương trình bồi dưỡng, tập huấn kiến thức về chuyển đổi số kỹ năng số cho CBCCVN các cấp thuộc tỉnh; ưu tiên hình thức bồi dưỡng, tập huấn trực tuyến trên Nền tảng học trực tuyến mở đại trà do Bộ Thông tin và Truyền thông triển khai.

- Đẩy mạnh hoạt động, phát huy vai trò của các Tổ công nghệ số cộng đồng; tuyên truyền sâu rộng nhằm nâng cao nhận thức cho CBCCVN, người dân và doanh nghiệp về lợi ích, hiệu quả đem lại của chuyển đổi số.

- Phổ cập kỹ năng số, khuyến khích, hướng dẫn người dân sử dụng Nền tảng học trực tuyến mở đại trà. Phát triển kỹ năng số cho người dân thông qua việc tuyên truyền, hướng dẫn sử dụng các dịch vụ số, trọng tâm là sử dụng định danh điện tử cá nhân, chữ ký số, dịch vụ công trực tuyến và dịch vụ số trong các lĩnh vực y tế, giáo dục, thương mại. Khuyến khích và tạo điều kiện cho mọi người dân được học tập, nghiên cứu mọi lúc, mọi nơi, mọi thời điểm.

- Tham gia các hội nghị, hội thảo về chuyển đổi số, xây dựng chính quyền số, kinh tế số, xã hội số, an toàn thông tin.

- Tham gia chương trình đào tạo, tập huấn đội ngũ chuyên gia về chuyển đổi số do Bộ Thông tin và Truyền thông tổ chức.

### **4. Nhận thức số:**

- Căn cứ hướng dẫn của Bộ Thông tin và Truyền thông và điều kiện thực tế của tỉnh, Sở Thông tin và Truyền thông phối hợp các đơn vị, địa phương tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Kế hoạch tổ chức hoạt động hưởng ứng Ngày Chuyển đổi số quốc gia và Ngày chuyển đổi số của tỉnh năm 2024 bảo đảm tiết kiệm, hiệu quả, tuyệt đối không phô trương, hình thức, mang lại lợi ích thiết thực cho người dân, phù hợp với mục đích, ý nghĩa, tinh thần cũng như chủ đề của Ngày Chuyển đổi số quốc gia năm 2024.

- Lựa chọn một số xã, phường thuộc tỉnh để triển khai thử nghiệm công tác truyền thông, phổ biến các kỹ năng số cơ bản cho người dân, bao gồm các kỹ năng cơ bản như truy cập và sử dụng Internet, thư điện tử, mua bán trực tuyến, thanh toán điện tử, dịch vụ công trực tuyến và bảo đảm an toàn thông tin cá nhân.

- Tiếp tục chia sẻ, lan tỏa các câu chuyện Chuyển đổi số thành công tại địa chỉ <https://t63.mic.gov.vn> trên các Cổng/Trang thông tin điện tử của các cơ quan, địa phương, các nhóm Zalo OA của các địa phương đến cán bộ, công chức, viên chức thuộc các cơ quan, địa phương thuộc tỉnh.

- Các sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố tuyên truyền, hướng dẫn đến từng CBCCVN, các cơ quan, đơn vị trực thuộc tham gia vào kênh truyền thông chuyển đổi số quốc gia trên Zalo để được cập nhật kịp thời thông tin mới nhất về chuyển đổi số phục vụ công tác và đời sống.

- Các đơn vị, địa phương triển khai, sử dụng hiệu quả các tài khoản Zalo OA được cấp để thực hiện công tác tuyên truyền, cung cấp thông tin cho hoạt động chỉ đạo, điều hành của chính quyền địa phương và hoạt động chuyển đổi số trên địa bàn.

### **5. Nền tảng số:**

- Duy trì hệ thống LGSP của tỉnh phục vụ kết nối các nền tảng dùng chung của tỉnh và các bộ, ngành Trung ương.

- Triển khai nền tảng Hệ thống thông tin giải quyết TTHC, triển khai Hệ thống quản lý cơ sở dữ liệu kết quả giải quyết TTHC, góp phần đẩy mạnh thực hiện Đề án “Phát triển ứng dụng dữ liệu dân cư, định danh và xác thực điện tử phục vụ chuyển đổi số quốc gia giai đoạn 2022-2025, tầm nhìn đến năm 2030” trên địa bàn tỉnh.

- Tuyên truyền, sử dụng có hiệu quả các nền tảng số phục vụ công tác chuyển đổi số, phát triển chính quyền số, kinh tế số và xã hội số thuộc ngành, lĩnh vực và địa phương.

### **6. Dữ liệu số:**

- Duy trì, cập nhật dữ liệu và phát huy hiệu quả hệ thống cơ sở dữ liệu (CSDL) thông tin địa lý (GIS) một số ngành, lĩnh vực đã được xây dựng.

- Mở rộng kết nối, tích hợp các cơ sở dữ liệu (CSDL) quốc gia với các hệ thống phần mềm dùng chung của tỉnh Gia Lai thông qua Hệ thống tích hợp chia sẻ dữ liệu của tỉnh (LGSP).

- Triển khai Hệ thống thông tin nguồn tỉnh Gia Lai.

- Thực hiện số hóa cơ sở dữ liệu đất đai, hình thành CSDL đất đai của tỉnh; duy trì, vận hành hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu ngành Tài nguyên và Môi trường.

- Đẩy mạnh số hóa hồ sơ, kết quả giải quyết TTHC để phục vụ giải quyết TTHC trên môi trường điện tử tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh và Bộ phận "Một cửa" cấp huyện, xã.

- Tiếp tục triển khai hệ thống cơ sở dữ liệu quản lý cán bộ công chức, viên chức trên địa bàn tỉnh Gia Lai theo Quyết định số 893/QĐ-TTg ngày 25/6/2020 của Thủ tướng Chính phủ về Phê duyệt Đề án xây dựng cơ sở dữ liệu quốc gia về cán bộ, công chức, viên chức trong các cơ quan nhà nước và các văn bản hướng dẫn của các Bộ, ngành liên quan.

- Triển khai phần mềm Hồ sơ sức khỏe điện tử cho các đơn vị y tế trên địa bàn tỉnh.

- Triển khai thử nghiệm các hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu theo các chương trình hợp tác giữa Ủy ban nhân dân tỉnh và các tập đoàn, doanh nghiệp (VNPT, Viettel,...); triển khai thí điểm hệ thống quản lý và khai thác dữ liệu số ngành Công Thương.

- Tiếp tục triển khai, sử dụng các phần mềm do các đơn vị trực thuộc Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn đã xây dựng (Phần mềm quản lý dữ liệu bảo vệ thực vật PPDMS 2.0) phục vụ cho công tác thống kê, dự tính, dự báo tình hình sinh vật gây hại trên cây trồng; phần mềm cơ sở dữ liệu mùa vụ trồng rừng phục vụ sản xuất. Phát triển các cơ sở dữ liệu của ngành: CSDL về quản lý mã số vùng trồng và cơ sở đóng gói trên địa bàn tỉnh Gia Lai; CSDL quản lý chất lượng an toàn thực phẩm; CSDL phục vụ phân tích và dự báo thị trường nông sản; cơ sở dữ liệu quản lý Lâm nghiệp nhằm theo dõi diễn biến rừng).

### **7. An toàn thông tin mạng:**

- Tiếp tục đẩy mạnh thực hiện Chỉ thị số 14/CT-TTg ngày 07/6/2019 của Thủ tướng Chính phủ về tăng cường bảo đảm an toàn, an ninh mạng. Triển khai các hoạt động giám sát, đánh giá, bảo vệ, ứng cứu các hệ thống thông tin của tỉnh theo mô hình "4 lớp", đảm bảo khả năng thích ứng một cách chủ động, linh hoạt và giảm thiểu các nguy cơ, đe dọa mất an toàn thông tin trên không gian mạng, sẵn sàng các giải pháp phòng ngừa và ứng phó khi có sự cố xảy ra trên địa bàn tỉnh.

- Duy trì, phát triển hệ thống giám sát, điều hành an toàn, an ninh mạng (SOC). Triển khai dịch vụ giám sát an toàn thông tin mạng kết nối và chia sẻ thông tin, dữ liệu với Trung tâm Giám sát an toàn không gian mạng Quốc gia (Cục An toàn thông tin - Bộ Thông tin và Truyền thông).

- Sử dụng hiệu quả Nền tảng hỗ trợ quản lý bảo đảm an toàn thông tin theo cấp độ và các nền tảng khác để đẩy nhanh quá trình xây dựng, phê duyệt hồ sơ cấp độ và triển khai phương án bảo vệ an toàn thông tin theo cấp độ.

- Rà soát, tiếp tục hoàn thành phê duyệt hồ sơ đề xuất cấp độ cho 100% hệ thống thông tin thuộc tỉnh.

- 100% hệ thống thông tin được triển khai đầy đủ phương án bảo đảm an toàn thông tin theo Hồ sơ đề xuất cấp độ đã được phê duyệt.

- Thực hiện kiểm tra đánh giá định kỳ an toàn thông tin cho hệ thống thông tin theo quy định (tối thiểu 1 lần/2 năm cho hệ thống cấp độ 1, 2; tối thiểu 1 lần/1 năm cho hệ thống cấp độ 3, 4 và 1 lần/06 tháng cho hệ thống cấp độ 5).

- 100% các trang, cổng thông tin điện tử của cơ quan nhà nước được đánh giá và gán nhãn tín nhiệm mạng.

- Duy trì và phát triển hoạt động bảo đảm an toàn thông tin với mô hình "4 lớp" theo hướng dẫn của Bộ Thông tin và Truyền thông. Mở rộng phạm vi, nâng cao chất lượng, mức độ giám sát và bảo vệ cho các hệ thống thông tin của cơ quan, đơn vị.

- Tổ chức các đợt diễn tập, tập huấn bảo đảm an toàn thông tin mạng với các phương án, kịch bản phù hợp thực tế cho cán bộ phụ trách về an toàn, an ninh thông tin của các cơ quan, đơn vị trên địa bàn tỉnh; tối thiểu 01 cuộc diễn tập thực chiến/năm, ưu tiên hệ thống thông tin cấp độ 3 trở lên.

- Đẩy mạnh tuyên truyền, nâng cao nhận thức và phổ biến kiến thức, kỹ năng bảo đảm an toàn thông tin cho CBCCVN, người dân và doanh nghiệp.

- Gia hạn, duy trì bản quyền thiết bị tường lửa, phần mềm chống virus, phần mềm bảo đảm an toàn thông tin, sao lưu dữ liệu cho các sở, ban, ngành của tỉnh.

### **8. Chính quyền số:**

- Rà soát, hoàn thiện môi trường pháp lý, cơ chế, chính sách để triển khai dịch vụ

công trực tuyến toàn trình.

- Tiếp tục phối hợp với các doanh nghiệp viễn thông trên địa bàn tỉnh hỗ trợ triển khai dịch vụ chứng thực chữ ký số cho các doanh nghiệp và người dân để giao dịch điện tử trong thực hiện dịch vụ công trực tuyến.

- Triển khai Hệ thống thông tin báo cáo của tỉnh, kết nối với Hệ thống thông tin báo cáo Chính phủ.

- Triển khai có hiệu quả các hoạt động ứng dụng công nghệ thông tin (CNTT) gắn kết chặt chẽ với chương trình cải cách hành chính. Tiếp tục triển khai cung cấp dịch vụ công trực tuyến toàn trình và một phần theo chỉ đạo của Chính phủ; tích hợp Cổng dịch vụ công quốc gia; tích hợp giải pháp xác thực điện tử tập trung; số hóa hồ sơ, các kết quả giải quyết TTHC trên môi trường điện tử.

- Triển khai đồng bộ hệ thống dịch vụ công trực tuyến cấp, đổi lại giấy phép lái xe (GPLX), là dịch vụ công thiết yếu theo đề án 06 của Thủ tướng Chính phủ, thực hiện số hóa hồ sơ và kết quả giải quyết TTHC cấp, đổi GPLX, đồng bộ dữ liệu về trung ương để tổ chức, cá nhân biết, khai thác thông tin; thông tin dữ liệu GPLX được tái sử dụng kết quả cho lần tiếp nhận hồ sơ tiếp theo.

- Trang bị phần mềm tuyển sinh đầu cấp cho các trường Mầm non, Tiểu học, THCS trên địa bàn tỉnh.

- Ứng dụng CNTT hiệu quả, toàn diện tại bộ phận tiếp nhận, trả kết quả TTHC tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh và Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả cấp huyện, cấp xã; tăng cường trao đổi, xử lý hồ sơ qua mạng, bảo đảm tính liên thông giữa các đơn vị trong quy trình xử lý thủ tục, tin học hóa tối đa các hoạt động trong quy trình TTHC. Tiếp tục triển khai tiếp nhận hồ sơ, trả kết quả giải quyết TTHC qua dịch vụ bưu chính công ích.

## **9. Kinh tế số:**

- Thực hiện có hiệu quả Kế hoạch số 1331/KH-UBND ngày 22/6/2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh về triển khai thực hiện Quyết định số 411/QĐ-TTg ngày 31/3/2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chiến lược quốc gia phát triển kinh tế số và xã hội số đến năm 2025, định hướng đến năm 2030 trên địa bàn tỉnh Gia Lai.

- Khuyến khích, hỗ trợ, tạo điều kiện cho các hộ kinh doanh, doanh nghiệp tham gia, giao dịch, kinh doanh qua các sàn thương mại điện tử. Tăng cường ứng dụng rộng rãi các nền tảng thanh toán không dùng tiền mặt trong thanh toán các loại phí, lệ phí và hoạt động kinh doanh, mua sắm trong cộng đồng.

- Tiếp tục triển khai Kế hoạch số 350/KH-UBND ngày 01/3/2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Gia Lai triển khai Đề án phát triển thanh toán không dùng tiền mặt tại Việt Nam giai đoạn 2021-2025.

- Triển khai các chương trình, kế hoạch hỗ trợ doanh nghiệp, doanh nghiệp nhỏ và vừa trên địa bàn tỉnh Gia Lai chuyển đổi số, ứng dụng công nghệ số vào trong quản lý, quy trình sản xuất, phát triển sản phẩm từ ứng dụng công nghệ số.

- Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ số trong hoạt động quản lý, điều hành, chuyển đổi phương thức hoạt động trong các thành phần của nền kinh tế; ưu tiên là ứng dụng trí tuệ nhân tạo (AI), chuỗi khối (Blockchain) và dữ liệu lớn (Bigdata) phục vụ phân tích, dự báo, hỗ trợ ra quyết định dựa trên dữ liệu số cho lãnh đạo các cấp, các ngành điều hành kinh tế - xã hội trên địa bàn tỉnh.

- Xây dựng, phát triển thị trường thương mại số bền vững, ứng dụng rộng rãi sàn thương mại điện tử trong doanh nghiệp và cộng đồng; phát triển hạ tầng số và dịch vụ nhằm hỗ trợ phát triển thương mại điện tử; ứng dụng các nền tảng thanh toán trực tuyến không dùng tiền mặt trong cộng đồng.

#### **10. Xã hội số:**

- Tuyên truyền, thúc đẩy người dân thiết lập tài khoản VNeID, đặc biệt là định danh mức độ 2.

- Lập danh sách các hệ thống thông tin phục vụ người dân; tích hợp sử dụng tài khoản VNeID để đăng nhập, sử dụng dịch vụ số.

- Đẩy mạnh phát triển xã hội số, phổ cập dịch vụ Internet băng thông rộng đến hộ gia đình và phủ sóng di động 4G/5G; khuyến khích doanh nghiệp triển khai nền tảng thanh toán điện tử, ví điện tử.

- Tuyên truyền, khuyến khích các cửa hàng, cửa hiệu, bệnh viện, trường học hỗ trợ thanh toán không dùng tiền mặt..

- Tuyên truyền, phổ biến, nâng cao nhận thức về thương mại điện tử thông qua các hoạt động truyền thông.

- Tích hợp hệ thống xác thực qua VNeID vào Cổng Dịch vụ công/Hệ thống thông tin giải quyết TTHC cấp tỉnh, cho phép người dân sử dụng VNeID có thể sử dụng các dịch vụ công trực tuyến trên Cổng Dịch vụ công Quốc gia, Cổng Dịch vụ công cấp tỉnh.

- Duy trì việc tích hợp tính năng ký số trên Cổng Dịch vụ công/Hệ thống thông tin giải quyết TTHC của tỉnh để doanh nghiệp và người dân sử dụng.

- Sở Thông tin và Truyền thông tiếp tục phối hợp với các doanh nghiệp cung cấp dịch vụ chữ ký số, tổ chức các đợt cấp chữ ký số miễn phí cho người dân.

- Công an tỉnh phối hợp với các đơn vị thuộc Bộ Công an tích hợp chữ ký số trên ứng dụng VNeID.

- Ứng dụng công nghệ thông tin và chuyển đổi số trong xúc tiến thương mại.

- Triển khai Hệ thống thư viện thông minh 4.0 và số hóa ấn phẩm, tài liệu tại Thư viện tỉnh nhằm phục vụ nhu cầu tra cứu, đọc sách cho người đọc.

#### **IV. GIẢI PHÁP**

**1.** Đẩy mạnh công tác truyền thông, nâng cao nhận thức, kỹ năng số, tăng cường tương tác với người dân, doanh nghiệp. Tiếp tục triển khai các hoạt động như: Kênh truyền thông “Chuyển đổi số quốc gia” trên Zalo; cổng/ trang thông tin điện tử để nâng cao nhận thức về chuyển đổi số cho người dân, tạo điều kiện tiếp cận các dịch vụ Chính phủ số; ứng dụng các nền tảng, kênh tương tác trực tuyến giữa cơ quan nhà nước và người dân, doanh nghiệp; phổ cập điện thoại thông minh đến mọi người dân.

**2.** Phát triển các mô hình kết hợp giữa các cơ quan nhà nước, doanh nghiệp; bao gồm các hoạt động như: phối hợp doanh nghiệp để cung cấp dịch vụ công (thông qua mạng bưu chính công cộng, mạng xã hội, ứng dụng của doanh nghiệp); tạo điều kiện, hỗ trợ doanh nghiệp giới thiệu, cung cấp sản phẩm, dịch vụ số;...

**3.** Nghiên cứu, hợp tác để làm chủ, ứng dụng hiệu quả các công nghệ; bao gồm các hoạt động như nghiên cứu, đẩy mạnh ứng dụng các công nghệ số vào triển khai chuyển đổi số

4. Thu hút nguồn lực công nghệ thông tin; bao gồm các hoạt động nhằm thu hút, đa dạng hóa nguồn lực (tài chính và nhân lực) để chuyển đổi số.

5. Tăng cường hợp tác quốc tế; bao gồm các hoạt động hợp tác quốc tế trong chuyển đổi số và bảo đảm an toàn thông tin mạng (tham quan, học tập, chia sẻ kinh nghiệm; tham gia các tổ chức quốc tế, các sáng kiến quốc tế; tăng cường mối quan hệ hợp tác quốc tế, đồng thời quảng bá, tạo thị trường cho các sản phẩm, dịch vụ Chính phủ số của các doanh nghiệp số Việt Nam;...).

## **V. KINH PHÍ THỰC HIỆN**

Kinh phí thực hiện Kế hoạch bao gồm: Nguồn vốn từ ngân sách Trung ương (hỗ trợ, bổ sung có mục tiêu; qua các chương trình, dự án triển khai đến các địa phương); ngân sách địa phương (đầu tư công và vốn sự nghiệp); các nguồn kinh phí hợp pháp khác (hợp tác với doanh nghiệp, xã hội hóa...).

Các đơn vị, địa phương chủ trì thực hiện có trách nhiệm đánh giá về hiện trạng, xây dựng dự toán kinh phí phù hợp với các nhiệm vụ cụ thể ở Kế hoạch này và tổ chức triển khai theo các quy định của pháp luật về đầu tư công, quy định về quản lý đầu tư ứng dụng công nghệ thông tin từ nguồn vốn ngân sách nhà nước và các quy định về quản lý ngân sách nhà nước. Tăng cường các hình thức thuê dịch vụ, hợp tác công - tư, vận dụng kết hợp các nguồn lực của xã hội...

## **VI. TỔ CHỨC THỰC HIỆN**

### **1. Ban Chỉ đạo chuyển đổi số tỉnh Gia Lai:**

Chủ trì chỉ đạo, theo dõi các cơ quan, đơn vị, địa phương triển khai Kế hoạch này; nghiên cứu, đề xuất, triển khai các chủ trương, chính sách, kế hoạch thúc đẩy xây dựng, phát triển cho chuyển đổi số; tổ chức, kiểm tra, giám sát thực hiện Kế hoạch chuyển đổi số tại các cơ quan, đơn vị, địa phương.

### **2. Sở Thông tin và Truyền thông:**

Chủ trì, phối hợp với các sở, ban, ngành liên quan và Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố tổ chức thực hiện đạt hiệu quả các mục tiêu của Kế hoạch này; theo dõi, hướng dẫn, đôn đốc, kiểm tra các cơ quan, đơn vị triển khai thực hiện Kế hoạch; tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh Gia Lai bổ sung, điều chỉnh Kế hoạch khi cần thiết.

### **3. Sở Công Thương:**

Chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan thúc đẩy thương mại điện tử, phát triển thương mại số, chuyển đổi số ngành Công Thương, đặc biệt là thương mại điện tử vùng nông thôn, cung cấp hàng hoá, đưa các sản phẩm nông nghiệp lên sàn thương mại điện tử.

### **4. Ngân hàng nhà nước Việt Nam - Chi nhánh tỉnh Gia Lai:**

Chỉ đạo các tổ chức tín dụng trên địa bàn tích cực thực hiện công tác chuyển đổi số theo định hướng phát triển của ngành; tăng cường phối hợp với các đơn vị liên quan triển khai áp dụng các hình thức thanh toán không dùng tiền mặt, thanh toán số.

### **5. Công an tỉnh; các sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố:**

- Chủ động rà soát, bổ sung nhiệm vụ vào Kế hoạch chuyển đổi số trong năm 2024 của cơ quan, đơn vị, địa phương; đồng thời, chủ động triển khai thực hiện các nhiệm vụ được phân công trong Kế hoạch này.

- Định kỳ hàng quý (*trước ngày 30 tháng cuối quý*) báo cáo kết quả triển khai thực hiện Kế hoạch chuyển đổi số của cơ quan, đơn vị, địa phương mình về Ủy ban nhân dân tỉnh (thông qua Sở Thông tin và Truyền thông để tổng hợp).

- Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị, địa phương chịu trách nhiệm cá nhân trước Ủy ban nhân dân tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Gia Lai về kết quả chuyển đổi số của cơ quan, đơn vị, địa phương phụ trách.

**6. Các doanh nghiệp bưu chính, viễn thông, công nghệ thông tin hoạt động trên địa bàn tỉnh Gia Lai:**

- Chủ động phối hợp, hỗ trợ, triển khai các nhiệm vụ về phát triển hạ tầng số, kinh tế số, xã hội số của Kế hoạch này.

- Đẩy mạnh thực hiện chuyển đổi số trong hoạt động của doanh nghiệp, phát triển hạ tầng số, nền tảng số, làm chủ công nghệ lõi, đảm bảo an toàn, an ninh mạng.

**VII. DANH MỤC NHIỆM VỤ, DỰ ÁN**

**1. Cấp sở, ban, ngành:** 57 nhiệm vụ. Kinh phí dự kiến: 169,547 tỷ đồng.

**2. Cấp huyện:** Triển khai các nhiệm vụ Chuyển đổi số theo Kế hoạch của địa phương. Kinh phí dự kiến: hơn 25,5 tỷ đồng.

*(Chi tiết các nhiệm vụ, dự án tại Phụ lục 03, Phụ lục 04 kèm theo).*

Trên đây là Kế hoạch chuyển đổi số tỉnh Gia Lai năm 2024; yêu cầu các sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố và các đơn vị, cá nhân liên quan nghiêm túc triển khai thực hiện.

Trong quá trình triển khai, thực hiện nếu phát sinh các khó khăn, vướng mắc cần sửa đổi, bổ sung Kế hoạch này, các đơn vị, địa phương kịp thời báo cáo, phản ánh về Sở Thông tin và Truyền thông để tổng hợp, đề xuất Ủy ban nhân dân tỉnh Gia Lai xem xét, quyết định./.





### **PHỤ LỤC 01:**

### **KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÁC MỤC TIÊU, CHỈ TIÊU VỀ CHUYỂN ĐỔI SỐ NĂM 2023**

(Ban hành kèm theo Quyết định số 19 /QĐ-UBND ngày 22 tháng 01 năm 2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh Gia Lai)

| <b>Số TT</b> | <b>Chỉ tiêu</b>   | <b>Mục tiêu năm 2023</b> | <b>Kết quả đạt được hiện nay</b> | <b>Ghi chú</b>   |
|--------------|---|--------------------------|----------------------------------|--|
| <b>I</b>     | <b>Dữ liệu số</b>   |                          |                                  |  |
| 1            | Ban hành danh mục cơ sở dữ liệu thuộc phạm vi quản lý và có kế hoạch, lộ trình cụ thể để xây dựng, triển khai các cơ sở dữ liệu trong danh mục  | Hoàn thành               | Hoàn thành                       | Quyết định số 1004/QĐ-UBND ngày 09/11/2023 của UBND tỉnh Gia Lai |
| 2            | Ban hành kế hoạch về dữ liệu mở, bao gồm danh mục dữ liệu mở, công bố dữ liệu mở của cơ quan nhà nước thuộc phạm vi quản lý và mức độ tối thiểu đạt được trong từng giai đoạn của kế hoạch; cung cấp lần đầu dữ liệu mở theo kế hoạch | Hoàn thành               | Hoàn thành                       | Quyết định số 1004/QĐ-UBND ngày 09/11/2023 của UBND tỉnh Gia Lai |
| 3            | Triển khai chức năng kho dữ liệu điện tử của tổ chức, cá nhân trên hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính cấp tỉnh  | Thường xuyên             | Đã triển khai                    |  |
| 4            | Đơn vị, địa phương cung cấp dịch vụ chia sẻ dữ liệu trên nền tảng tích hợp, chia sẻ dữ liệu (LGSP)  | 100%                     | 100%                             |  |
| 5            | Đơn vị, địa phương, doanh nghiệp nhà nước triển khai các hoạt động nâng cao năng lực phát triển và quản trị dữ liệu thuộc phạm vi quản lý   | 100%                     | 100%                             |  |
| 6            | Các trang, cổng thông tin điện tử của cơ quan nhà nước được đánh giá an toàn thông tin và dán nhãn tín nhiệm mạng   | 100%                     | 75%                              |  |
| <b>II</b>    | <b>Chính quyền số</b>   |                          |                                  |  |
| 1            | Đơn vị, địa phương triển khai các hoạt động nâng cao chất lượng và hiệu quả cung cấp dịch vụ công trực tuyến  | 100%                     | 100%                             |  |

*Hoan*

| Số TT      | Chỉ tiêu  | Mục tiêu năm 2023 | Kết quả đạt được hiện nay | Ghi chú  |
|------------|---|-------------------|---------------------------|--|
| 2          | Thủ tục hành chính đủ điều kiện theo quy định của pháp luật được cung cấp dưới hình thức dịch vụ công trực tuyến toàn trình   | 100%              | 89%                       |  |
| 3          | Dịch vụ công trực tuyến toàn trình được tích hợp, cung cấp trên Cổng dịch vụ công quốc gia  | 40%               | 43,48%                    |  |
| 4          | Thanh toán trực tuyến trên Cổng dịch vụ công quốc gia, Cổng dịch vụ công của tỉnh trên tổng số giao dịch thanh toán của dịch vụ công  | 30%               | 0,7%                      |  |
| 5          | Thủ tục hành chính có yêu cầu nghĩa vụ tài chính được thanh toán trực tuyến trên Cổng dịch vụ công quốc gia, Cổng dịch vụ công của tỉnh                                       | 60%               | 90,74%                    |  |
| 6          | Kết quả giải quyết thủ tục hành chính được số hoá   | 100%              | 55%                       |  |
| 7          | Hồ sơ thủ tục hành chính được người dân, doanh nghiệp thực hiện trực tuyến  | 50%               | 50,01%                    | Tỷ lệ tính theo số hồ sơ của các TTHC đã được cung cấp DVCTT |
| 8          | Hoạt động kiểm tra hành chính định kỳ của cơ quan quản lý nhà nước đối với đối tượng quản lý được thực hiện thông qua môi trường số và hệ thống thông tin của cơ quan quản lý | >10%              | 12%                       |  |
| 9          | Cán bộ, công chức, viên chức được tập huấn, bồi dưỡng, phổ cập kỹ năng số cơ bản  | 50%               | 51%                       |  |
| <b>III</b> | <b>Kinh tế số</b>   |                   |                           |  |
| 1          | Đơn vị, địa phương triển khai các hoạt động thúc đẩy chuyển đổi số, thanh toán không dùng tiền mặt trong các cơ sở giáo dục, y tế thuộc phạm vi quản lý                       | 100%              | 100%                      |  |
| 2          | Doanh nghiệp nhỏ và vừa được cung cấp thông tin, tiếp cận dùng thử các nền tảng chuyển đổi số   | >90%              | 90,02%                    |  |
| 3          | Doanh nghiệp nhỏ và vừa thường xuyên sử dụng các nền tảng chuyển đổi số   | 30%               | 30%                       |  |

*Hoan*

| Số TT     | Chỉ tiêu   | Mục tiêu năm 2023 | Kết quả đạt được hiện nay | Ghi chú                       |
|-----------|--|-------------------|---------------------------|-------------------------------|
| <b>IV</b> | <b>Xã hội số</b>   |                   |                           |                               |
| 1         | Tỷ lệ thuê bao điện thoại di động sử dụng điện thoại thông minh  | >80%              | 65,6%                     |                               |
| 2         | Tỷ lệ hộ gia đình có đường Internet cáp quang băng rộng  | >75%              | 55,5%                     |                               |
| 3         | Tỷ lệ dân số trưởng thành có tài khoản định danh điện tử   | >30%              | 52,89%                    |                               |
| 4         | Tỷ lệ dân số trưởng thành có chữ ký số hoặc chữ ký điện tử cá nhân   | >20%              | 0,36%                     |                               |
| 5         | Tỷ lệ dân số từ 15 tuổi trở lên có tài khoản giao dịch thanh toán tại ngân hàng hoặc tổ chức được phép khác                    | >75%              | 67,9%                     |                               |
| 6         | Tỷ lệ dân số trưởng thành có tài khoản dịch vụ công trực tuyến   | >60%              | 1,57%                     |                               |
| 7         | Tỷ lệ dân số trưởng thành sử dụng nền tảng hỗ trợ tư vấn khám chữa bệnh từ xa  | >30%              | -                         | Ngành Y tế chưa đánh giá được |
| 8         | Tỷ lệ người dân có hồ sơ sức khỏe điện tử  | 30%               | -                         |                               |
| 9         | Tỷ trọng các bệnh viện tuyến tỉnh, Trung tâm Y tế các huyện/thị xã/thành phố triển khai thanh toán điện tử không dùng tiền mặt | 10%               | 61,5%                     |                               |
| <b>V</b>  | <b>Bảo đảm an toàn, an ninh thông tin mạng</b>   |                   |                           |                               |
| 1         | Tỷ lệ hệ thống thông tin của cơ quan nhà nước hoàn thành phê duyệt cấp độ an toàn hệ thống thông tin                           | >80%              | 95,6%                     |                               |
| 2         | Tỷ lệ hệ thống thông tin của cơ quan nhà nước đáp ứng yêu cầu bảo đảm an toàn hệ thống thông tin theo cấp độ                   | >30%              | 30,05%                    |                               |
| 3         | Tỷ lệ thuê bao điện thoại di động thông minh có sử dụng phần mềm an toàn thông tin mạng cơ bản                                 | >20%              | 20,03%                    | Số liệu ước tính              |
| 4         | Tỷ lệ hộ gia đình có đường Internet cáp quang băng rộng có sử dụng giải pháp an toàn thông tin mạng cơ bản đạt                 | >10%              | 50,11%                    | Số liệu ước tính              |



**PHỤ LỤC 02:**  
**DANH MỤC CÁC NHIỆM VỤ, PHÁT TRIỂN CHÍNH QUYỀN ĐIỆN TỬ,**  
**CHÍNH QUYỀN SỐ, CHUYỂN ĐỔI SỐ TỈNH GIA LAI - THỰC HIỆN NĂM 2023**

(Ban hành kèm theo Quyết định số 19 /QĐ-UBND ngày 22 tháng 01 năm 2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh Gia Lai)

| Số TT | Tên nhiệm vụ, dự án   | Mục tiêu thực hiện   | Kinh phí thực hiện năm 2023 (đồng) | Nguồn vốn thực hiện  | Thời gian thực hiện | Hiệu quả/ Hiện trạng   |
|-------|---|--|------------------------------------|----------------------|---------------------|------------------------|
| 1     | Triển khai kế hoạch ứng phó sự cố an toàn thông tin mạng trên địa bàn tỉnh Gia Lai                                | Nhằm đánh giá các nguy cơ, sự cố an toàn thông tin mạng, phòng ngừa sự cố, giám sát phát hiện, bảo đảm các điều kiện sẵn sàng đối phó, ứng cứu, khắc phục sự cố; Xây dựng phương án đối phó, ứng cứu đối với một số tình huống sự cố cụ thể cho cán bộ phụ trách CNTT của các đơn vị, địa phương trên địa bàn tỉnh | 821,000,000                        | Ngân sách địa phương | 2023                | Đã hoàn thành          |
| 2     | Hoạt động của Ban Chỉ đạo Chuyển đổi số tỉnh Gia Lai  | Hỗ trợ cho Ban Chỉ đạo Chuyển đổi số tỉnh trong các hoạt động đánh giá, kiểm tra, học tập và triển khai các nội dung ứng dụng CNTT theo chỉ đạo của Trung ương và của tỉnh   | 62,000,000                         | Ngân sách địa phương | 2023                | Đã hoàn thành          |
| 3     | Thuê dịch vụ Hệ thống quản lý cơ sở dữ liệu kết quả giải quyết thủ tục hành chính tỉnh Gia Lai                    | Quản lý các kết quả giải quyết thủ tục hành chính còn hiệu lực để phục vụ công dân, doanh nghiệp thực hiện giải quyết thủ tục hành chính qua mạng theo Nghị định 45/2020/NĐ-CP của Chính phủ   | 3,139,000,000                      | Ngân sách địa phương | 2023-2025           | Đang triển khai        |
| 4     | Quản lý, vận hành, bảo trì, bảo dưỡng và duy trì các hệ thống thông tin của tỉnh                                  | Duy trì hoạt động 24/7 của các hệ thống thông tin dùng chung của tỉnh  | 3,191,000,000                      | Ngân sách địa phương | 2023                | Hoạt động thường xuyên |
| 5     | Mua sắm thiết bị và gia hạn license cho các thiết bị thuộc hệ thống Trung tâm tích hợp dữ liệu của tỉnh           | Duy trì hoạt động của các thiết bị thuộc hệ thống Trung tâm tích hợp dữ liệu luôn hoạt động ổn định, thông suốt, đảm bảo an toàn, an ninh thông tin  | 790,000,000                        | Ngân sách địa phương | 2023                | Đã hoàn thành          |
| 6     | Thuê dịch vụ hỗ trợ vận hành hệ thống Dịch vụ công trực tuyến tỉnh Gia Lai và vận hành hệ thống LGSP tỉnh Gia Lai | Đảm bảo hệ thống Dịch vụ công trực tuyến tỉnh Gia Lai và hệ thống LGSP tỉnh Gia Lai được vận hành thường xuyên, liên tục   | 532,000,000                        | Ngân sách địa phương | 2023                | Đã hoàn thành          |
| 7     | Thuê đường truyền mạng số liệu chuyên dùng phục vụ kết nối hệ thống mạng WAN trên địa bàn tỉnh                    | Đảm bảo các hệ thống thông tin sử dụng qua hệ thống mạng WAN được hoạt động liên tục, không bị gián đoạn   | 2,834,000,000                      | Ngân sách địa phương | 2023                | Đã hoàn thành          |

*Nhan*

| Số TT | Tên nhiệm vụ, dự án   | Mục tiêu thực hiện  | Kinh phí thực hiện năm 2023 (đồng) | Nguồn vốn thực hiện                          | Thời gian thực hiện | Hiệu quả/ Hiện trạng  |
|-------|---|---|------------------------------------|--|---------------------|---|
| 8     | Xây dựng hệ thống E-learning (học trực tuyến) cho 8 trường THPT trên địa bàn thành phố Pleiku             | Xây dựng hệ thống E-Learning (học trực tuyến)   | 29,000,000,000                     | Nguồn vốn đầu tư công (NSĐP)                 | 2023-2024           | Hoàn thành giai đoạn thí điểm tại trường THPT Chuyên Hùng Vương |
| 9     | Duy trì hệ thống trang thiết bị phần cứng, phần mềm hệ thống Trung tâm CNTT (Sở Tài nguyên và Môi trường) | Thay thế, nâng cấp, chữa, gia hạn phần mềm hệ thống. Đảm bảo hệ thống trang thiết bị hoạt động ổn định, an toàn thông tin dữ liệu ngành         | 467,003,000                        | Ngân sách địa phương                         | 2023                | Đã hoàn thành   |
| 10    | Xây dựng cơ sở dữ liệu địa chính tỉnh Gia Lai   | Xây dựng cơ sở dữ liệu địa chính 17 huyện, thị xã, thành phố ( Nguồn sử dụng đất 2021-2022)   | 98,000,000,000                     | Ngân sách địa phương                         | 2019-2023           | Đang triển khai, chờ kết quả nghiệm thu hoàn thành              |
| 11    | Xây dựng cơ sở dữ liệu đất đai tỉnh Gia Lai (không bao gồm cơ sở dữ liệu địa chính)                       | Xây dựng cơ sở dữ liệu thống kê, kiểm kê; cơ sở dữ liệu quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất, cơ sở dữ liệu giá đất (Kinh phí SNKT năm 2021-2022)    | 2,700,000,000                      | Ngân sách địa phương                         | 2021-2023           | Đã hoàn thành   |
| 12    | Số hoá tài liệu   | Chuyển đổi mô hình quản lý tài liệu giấy sang môi trường quản lý số, tránh tình trạng hư hỏng, mất tài liệu                                     | 303,019,000                        | Ngân sách địa phương                         | 2023                | Đang triển khai (thường xuyên)                                  |
| 13    | Kinh phí cho Thương mại điện tử địa phương  | Phát triển Thương mại điện tử, phát triển Kinh tế số để thực hiện Chuyển đổi số tỉnh Gia Lai  | 1,747,000,000                      | Ngân sách địa phương                         | 2023                | Đã hoàn thành   |
| 14    | Kinh phí cho Thương mại điện tử Quốc gia  |   | 1,839,000,000                      | Ngân sách Trung ương và Ngân sách địa phương | 2023                | Đã hoàn thành   |
| 15    | Kinh phí hoạt động Ứng dụng Công nghệ thông tin và Chuyển đổi số trong Xúc tiến thương mại                | Đẩy mạnh Xúc tiến thương mại số, phát triển Kinh tế số để thực hiện Chuyển đổi số tỉnh Gia Lai  | 157,000,000                        | Ngân sách địa phương                         | 2023                | Đã hoàn thành   |
| 16    | Các hội nghị tập huấn lĩnh vực thương mại, xuất nhập khẩu liên quan                                       | Lồng ghép các nội dung về chuyển đổi số, ứng dụng chuyển đổi số trong lĩnh vực thương mại, xuất nhập khẩu, phổ biến đến người dân, doanh nghiệp | 292,000,000                        | Ngân sách địa phương                         | 2023                | Đã hoàn thành   |

| Số TT | Tên nhiệm vụ, dự án   | Mục tiêu thực hiện   | Kinh phí thực hiện năm 2023 (đồng) | Nguồn vốn thực hiện   | Thời gian thực hiện | Hiệu quả/ Hiện trạng     |
|-------|---|--|------------------------------------|---|---------------------|--------------------------|
| 17    | Duy trì, phát triển, vận hành Công thông tin khởi nghiệp tỉnh Gia Lai   | Phục vụ công tác chuyên môn của Sở Khoa học và Công nghệ   | 97,800,000                         | Ngân sách địa phương  | 2023                | Đang triển khai          |
| 18    | Nền tảng Bảo tàng số  | Số hoá công tác quản lý nghiệp vụ Bảo tàng tỉnh về phục vụ nhu cầu tham quan, tìm hiểu về các giá trị văn hoá trên nền tảng số hoá   | 1,349,273,000                      | Ngân sách địa phương  | 2023                | Đang triển khai          |
| 19    | Duy trì hoạt động Công thông tin du lịch tỉnh Gia Lai   | Tạo kênh truyền thông trực tuyến hiệu quả trong công tác xúc tiến, quảng bá du lịch, giới thiệu hình ảnh du lịch Gia Lai đến với du khách. Cầu nối trung gian, hỗ trợ, quảng bá các sản phẩm, dịch vụ cho các doanh nghiệp kinh doanh dịch vụ du lịch trong tỉnh, kết nối doanh nghiệp - du khách. Công khai, minh bạch thông tin nhằm tạo ra môi trường du lịch an toàn, thân thiện hơn với du khách. Tăng cường tiện ích, tối ưu hoạt động cho cơ quan quản lý nhà nước. | 228,000,000                        | Ngân sách địa phương  | 2023                | Nhiệm vụ thường xuyên    |
| 20    | Mua sắm, lắp đặt hệ thống hội nghị trực tuyến tại Ban Dân tộc tỉnh  | Xây dựng hệ thống hội nghị trực tuyến để phục vụ họp trực tuyến giữa Ban Dân tộc với các đơn vị liên quan  | 272,120,000                        | Ngân sách địa phương  | 2023                | Đã hoàn thành            |
| 21    | Thực hiện Tiểu dự án 2 – Dự án 10 về Ứng dụng công nghệ thông tin hỗ trợ phát triển kinh tế - xã hội và đảm bảo an ninh trật tự vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế xã hội vùng đồng bào DTTS&MN | Ứng dụng công nghệ thông tin hỗ trợ phát triển kinh tế - xã hội và đảm bảo an ninh trật tự vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế xã hội vùng đồng bào DTTS&MN   | 1,268,000,000                      | Ngân sách TW (Chương trình MTQG phát triển KT-XH vùng đồng bào DTTS&MN) | 2023                | Đang triển khai          |
| 22    | Phần mềm và CSDL quản lý cán bộ, công chức, viên chức trên địa bàn tỉnh Gia Lai (giai đoạn 2)   | Xây dựng cơ sở dữ liệu hồ sơ nhân sự đầy đủ, chính xác và cung cấp các chức năng quản lý cán bộ, công chức, viên chức một cách hiệu quả, đáp ứng tình hình quản lý cán bộ trên địa bàn tỉnh  | 3,841,000,000                      | Ngân sách địa phương  | 2023                | Đang triển khai thí điểm |
| 23    | Trang bị máy tính xách tay cho 69 đại biểu HĐND tỉnh  | Phục vụ cho các cuộc họp của Hội đồng nhân dân tỉnh  | 1,212,910,000                      | Ngân sách địa phương  | 2023                | Đã hoàn thành            |

| Số TT | Tên nhiệm vụ, dự án   | Mục tiêu thực hiện   | Kinh phí thực hiện năm 2023 (đồng) | Nguồn vốn thực hiện   | Thời gian thực hiện | Hiệu quả/ Hiện trạng                    |
|-------|---|--|------------------------------------|---|---------------------|---|
| 24    | Triển khai sử dụng phần mềm cơ sở dữ liệu mùa vụ trồng rừng phục vụ sản xuất  | Giúp các cơ quan quản lý, tổ chức, doanh nghiệp, hộ gia đình, cá nhân sản xuất lâm nghiệp ở địa phương tham khảo thực hiện trồng rừng, chăm sóc, bảo vệ rừng,.. đúng mùa vụ; chủ động các biện pháp hạn chế tác động tiêu cực của thời tiết, sâu bệnh hại. Phổ biến tới các tổ chức, cá nhân liên quan biết, khai thác sử dụng phần mềm cơ sở dữ liệu mùa vụ trồng rừng phục vụ sản xuất. Cập nhật cơ sở dữ liệu cấp tỉnh và nhận thông tin từ Tổng cục Lâm nghiệp về công tác phát triển rừng |                                    | Phần mềm do Tổng cục Lâm nghiệp xây dựng                              | 2023                | Đang sử dụng, năm 2024 tiếp tục sử dụng |
| 25    | Triển khai Phần mềm quản lý dữ liệu bảo vệ thực vật PPDMS 2.0   | Phục vụ cho công tác thống kê, dự tính, dự báo tình hình sinh vật gây hại trên cây trồng; đề xuất, định hướng các giải pháp phòng trừ sinh vật gây hại cây trồng trên phạm vi toàn tỉnh  |                                    | Phần mềm do Cục Bảo vệ thực vật triển khai                            | 2023                | Đang sử dụng, năm 2024 tiếp tục sử dụng |
| 26    | Xây dựng cơ sở dữ liệu về quản lý mã số vùng trồng và cơ sở đóng gói trên địa bàn tỉnh Gia Lai (theo dõi, quản lý, cập nhật thông tin các mã số vùng trồng, cơ sở đóng gói) | Sử dụng phần mềm để xây dựng và quản lý dữ liệu: Thu thập dữ liệu (hồ sơ, định vị GPS...); Xây dựng cơ sở dữ liệu, sử dụng phần mềm tương tự như Google Earth...   |                                    | Phần mềm do Cục Trồng trọt và Cục Bảo vệ thực vật triển khai          | 2023                | Đang sử dụng, năm 2024 tiếp tục sử dụng |
| 27    | Cơ sở dữ liệu quản lý Lâm nghiệp (theo dõi diễn biến rừng)  | Cơ sở dữ liệu quản lý Lâm nghiệp (theo dõi diễn biến rừng)   |                                    | Phần mềm do Tổng cục Lâm nghiệp quản lý, triển khai                   | 2023                | Đang sử dụng, năm 2024 tiếp tục sử dụng |
| 28    | Đẩy mạnh việc thực hiện ứng dụng khoa học công nghệ trong công tác quản lý, bảo vệ và phát triển rừng   | Tiếp tục sử dụng phần mềm phát hiện sớm cháy rừng HostportGla trong công tác phòng cháy chữa cháy rừng; Duy trì, phát triển và sử dụng có hiệu quả hệ thống cơ sở dữ liệu về theo dõi, giám sát đánh giá, gắn với công tác thống kê ngành lâm nghiệp; Đẩy nhanh việc hình thành khu lâm nghiệp ứng dụng cao trên địa bàn tỉnh.   |                                    | Phần mềm chạy trên ứng dụng ảnh vệ tinh miễn phí                      | 2023                | Đang sử dụng, năm 2024 tiếp tục sử dụng |
| 29    | Cơ sở dữ liệu về nuôi trồng thủy sản  | Cập nhật báo cáo, theo dõi, quản lý về thông tin nuôi trồng thủy sản   |                                    | Phần mềm do Cục Thủy sản (Bộ Nông nghiệp và PTNT) quản lý, triển khai | 2023                | Đang sử dụng, năm 2024 tiếp tục sử dụng |

| Số TT   | Tên nhiệm vụ, dự án  | Mục tiêu thực hiện  | Kinh phí thực hiện năm 2023 (đồng) | Nguồn vốn thực hiện   | Thời gian thực hiện | Hiệu quả/ Hiện trạng                    |
|---|--|---|------------------------------------|---|---------------------|---|
| 30  | Cơ sở dữ liệu về quan trắc môi trường trong nuôi trồng thủy sản;   | Cập nhật báo cáo, theo dõi, quản lý về kết quả quan trắc, phân tích thông số môi trường trong nuôi trồng thủy sản   |                                    | Phần mềm do Cục Thủy sản (Bộ Nông nghiệp và PTNT) quản lý, triển khai | 2023                | Đang sử dụng, năm 2024 tiếp tục sử dụng |
| 31  | Cơ sở dữ liệu về giống thủy sản, thức ăn thủy sản, sản phẩm xử lý môi trường nuôi trồng thủy sản   | Cập nhật thông tin báo cáo, theo dõi, quản lý về giống thủy sản, thức ăn thủy sản, sản phẩm xử lý môi trường nuôi trồng thủy sản  |                                    | Phần mềm do Cục Thủy sản (Bộ Nông nghiệp và PTNT) quản lý, triển khai | 2023                | Đang sử dụng, năm 2024 tiếp tục sử dụng |
| 32  | Hệ thống báo cáo dịch bệnh trực tuyến (VAHIS)  | Cập nhật báo cáo, theo dõi, quản lý thông tin về tình hình dịch bệnh động vật   |                                    | Phần mềm do Cục Thú y (Bộ Nông nghiệp và PTNT) quản lý, triển khai    | 2023                | Đang sử dụng, năm 2024 tiếp tục sử dụng |
| 33  | Xây dựng quản lý và cung cấp thông tin quy hoạch đô thị ứng dụng công nghệ hệ thống thông tin địa lý GIS, tạo nền tảng phát triển đô thị thông minh trên địa bàn thành phố Pleiku                        | Tạo lập cơ sở dữ liệu thống nhất từ việc chuẩn hóa, đồng bộ thông tin bao gồm nhiều cơ sở dữ liệu thành phần như: Quy hoạch xây dựng; đất đai, giao thông, dự án đầu tư xây dựng  | 985,996,000                        | Ngân sách thành phố Pleiku  | 2023                | Đang sử dụng, năm 2024 tiếp tục sử dụng |
| 34  | Mua sắm các máy tính, thiết bị, bảo trì, bảo dưỡng các hệ thống thông tin, gia hạn bản quyền các phần mềm, thiết bị tường lửa, bổ sung thiết bị hội nghị truyền hình, duy trì đường truyền internet, ... | Duy trì hoạt động của các hệ thống thông tin, phần mềm và các thiết bị phục vụ hoạt động thường xuyên tại các sở, ban, ngành và UBND các huyện, thị xã, thành phố; phục vụ xây dựng Chính quyền điện tử tại từng đơn vị, địa phương | 10,964,783,000                     | Ngân sách địa phương  | 2023                | Nhiệm vụ thường xuyên                   |
| <b>TỔNG CỘNG</b>  |  |   | <b>166,093,904,000</b>             |   |                     |   |
| <i>(Bảng chữ: Một trăm sáu mươi sáu tỷ, không trăm chín mươi ba triệu, chín trăm lẻ bốn ngàn đồng).</i> |  |   |                                    |   |                     |   |





**PHỤ LỤC 03:**  
**PHÂN MỤC CÁC NHIỆM VỤ, DỰ ÁN PHÁT TRIỂN CHÍNH QUYỀN ĐIỆN TỬ, CHÍNH QUYỀN SỐ, CHUYỂN ĐỔI SỐ NĂM 2024**  
**(CỦA CÁC ĐƠN VỊ CẤP TỈNH)**

(Ban hành kèm theo Quyết định số 19 /QĐ-UBND ngày 22 tháng 01 năm 2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh Gia Lai)

| Số TT | Tên nhiệm vụ, dự án  | Mục tiêu thực hiện   | Đơn vị chủ trì | Phân loại nhiệm vụ    | Thời gian thực hiện | Nguồn vốn thực hiện           | Kinh phí dự kiến năm 2024 (triệu đồng) | Ghi chú  |
|-------|--|--|----------------|-----------------------|---------------------|-------------------------------|--|--|
| 1     | Ứng phó sự cố an toàn thông tin mạng trên địa bàn tỉnh Gia Lai năm 2024                        | Nhằm đánh giá các nguy cơ, sự cố an toàn thông tin mạng, phòng ngừa sự cố, giám sát phát hiện, bảo đảm các điều kiện sẵn sàng đối phó, ứng cứu, khắc phục sự cố; Xây dựng phương án đối phó, ứng cứu đối với một số tình huống sự cố cụ thể cho cán bộ phụ trách CNTT của các đơn vị, địa phương trên địa bàn tỉnh | Sở TT&TT       | Thường xuyên hằng năm | 2024                | Nguồn vốn sự nghiệp (NS tỉnh) | 1,171                                  | Công văn số 3834/STC-HCSN ngày 15/11/2023 của Sở Tài chính |
| 2     | Kinh phí hoạt động của Ban Chỉ đạo chuyển đổi số tỉnh Gia Lai                                  | Hỗ trợ cho Ban Chỉ đạo Chuyển đổi số tỉnh trong các hoạt động đánh giá, kiểm tra, học tập và triển khai các nội dung ứng dụng CNTT, chuyển đổi số theo chỉ đạo của Trung ương và của tỉnh  | Sở TT&TT       | Thường xuyên hằng năm | 2024                | Nguồn vốn sự nghiệp (NS tỉnh) | 81.680                                 | Công văn số 3834/STC-HCSN ngày 15/11/2023 của Sở Tài chính |
| 3     | Thuê dịch vụ giám sát, điều hành an toàn, an ninh mạng tập trung (SOC)                         | Tăng cường công giám sát, điều hành an toàn, an ninh mạng tập trung cho Trung tâm Tích hợp dữ liệu của tỉnh  | Sở TT&TT       | Duy trì, thường xuyên | 2024                | Nguồn vốn sự nghiệp (NS tỉnh) | 4,702.037                              | Công văn số 3834/STC-HCSN ngày 15/11/2023 của Sở Tài chính |
| 4     | Mua thiết bị thay thế thiết bị tường lửa cũ của Sở Thông tin và Truyền thông                   | Tăng cường an toàn an ninh thông tin cho hệ thống thông tin tại Sở TT&TT   | Sở TT&TT       | Duy trì, thường xuyên | 2024                | Nguồn vốn sự nghiệp (NS tỉnh) | 239.310                                | Công văn số 3834/STC-HCSN ngày 15/11/2023 của Sở Tài chính |
| 5     | Thuê dịch vụ Hệ thống quản lý cơ sở dữ liệu kết quả giải quyết thủ tục hành chính tỉnh Gia Lai | Quản lý các kết quả giải quyết thủ tục hành chính còn hiệu lực để phục vụ công dân, doanh nghiệp thực hiện giải quyết thủ tục hành chính qua mạng theo Nghị định 45/2020/NĐ-CP của Chính phủ   | Sở TT&TT       | Nhiệm vụ chuyển tiếp  | 2023-2026           | Nguồn vốn sự nghiệp (NS tỉnh) | 1,965.058                              | Công văn số 3834/STC-HCSN ngày 15/11/2023 của Sở Tài chính |

Vương

| Số TT | Tên nhiệm vụ, dự án  | Mục tiêu thực hiện  | Đơn vị chủ trì | Phân loại nhiệm vụ    | Thời gian thực hiện | Nguồn vốn thực hiện             | Kinh phí dự kiến năm 2024 (triệu đồng) | Ghi chú  |
|-------|--|---|----------------|-----------------------|---------------------|---------------------------------|--|--|
| 6     | Kinh phí chi hoạt động của đơn vị sự nghiệp trực thuộc Sở (Trung tâm Công nghệ thông tin và Truyền thông tỉnh Gia Lai) | Duy trì hoạt động 24/7 của các hệ thống thông tin dùng chung của tỉnh   | Sở TT&TT       | Duy trì, thường xuyên | 2024                | Nguồn vốn sự nghiệp (NS tỉnh)   | 5,740                                  | Công văn số 3834/STC-HCSN ngày 15/11/2023 của Sở Tài chính   |
| 7     | Dự án: Xây dựng Chính quyền điện tử tiến tới xây dựng Chính quyền số   | Nâng cấp Trung tâm Tích hợp dữ liệu tỉnh Gia Lai  | Sở TT&TT       | Dự án điều chỉnh      | 2021-2024           | Nguồn vốn đầu tư công (NS tỉnh) | 73,346                                 | Đã phê duyệt điều chỉnh chủ trương đầu tư theo Nghị quyết 282/NQ-HĐND ngày 20/10/2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh |
| 8     | Thuê Dịch vụ Hệ thống thông tin nguồn tỉnh Gia Lai   | Cung cấp thông tin thiết yếu và quản lý, giám sát, đánh giá hiệu quả hoạt động thông tin cơ sở trên địa bàn tỉnh  | Sở TT&TT       | Nhiệm vụ chuyển tiếp  | 2024-2026           | Nguồn vốn sự nghiệp (NS tỉnh)   | 2,000                                  | Công văn số 3834/STC-HCSN ngày 15/11/2023 của Sở Tài chính   |
| 9     | Đầu tư Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính tỉnh Gia Lai   | Hợp nhất Cổng Dịch vụ công với Hệ thống thông tin một cửa điện tử dùng chung để tạo lập Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính thống nhất, liên thông giữa các cấp chính quyền. Phát triển mới Kho dữ liệu điện tử cá nhân, tổ chức. Kết nối, xác thực thông tin công dân với Cổng Dịch vụ công quốc gia, hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính cấp bộ, cấp tỉnh | Sở TT&TT       | Nhiệm vụ chuyển tiếp  | 2024                | Nguồn vốn sự nghiệp (NS tỉnh)   | 9,961                                  | Công văn số 3834/STC-HCSN ngày 15/11/2023 của Sở Tài chính   |
| 10    | Mua sắm, sửa chữa thiết bị tin học; thuê đường truyền  | Thay thế sửa chữa thường xuyên phục vụ vận hành các hệ thống thông tin ngành Tài chính  | Sở Tài chính   | Nhiệm vụ thường xuyên | 2024                | Nguồn vốn sự nghiệp (NS tỉnh)   | 380                                    | Công văn số 3834/STC-HCSN ngày 15/11/2023 của Sở Tài chính   |
| 11    | Duy trì, vận hành Phần mềm cơ sở dữ liệu về giá tỉnh Gia Lai   | Duy trì, bảo dưỡng, sửa lỗi phần mềm, hỗ trợ người sử dụng khai thác, vận hành, bổ sung, thay thế biểu mẫu theo quy định mới  | Sở Tài chính   | Nhiệm vụ thường xuyên | 2024                | Nguồn vốn sự nghiệp (NS tỉnh)   | 303                                    | Công văn số 3834/STC-HCSN ngày 15/11/2023 của Sở Tài chính   |

| Số TT | Tên nhiệm vụ, dự án  | Mục tiêu thực hiện  | Đơn vị chủ trì          | Phân loại nhiệm vụ    | Thời gian thực hiện | Nguồn vốn thực hiện           | Kinh phí dự kiến năm 2024 (triệu đồng) | Ghi chú  |
|-------|--|---|-------------------------|-----------------------|---------------------|-------------------------------|--|--|
| 12    | Gia hạn bản quyền thiết bị tường lửa, phần mềm sao lưu dữ liệu                                 | Tăng cường an toàn hệ thống thông tin Sở Tài chính  | Sở Tài chính            | Duy trì, thường xuyên | 2024                | Nguồn vốn sự nghiệp (NS tính) | 100                                    | Công văn số 3834/STC-HCSN ngày 15/11/2023 của Sở Tài chính |
| 13    | Nâng cấp, đảm bảo an toàn thông tin  | - Thay thế Tường lửa Sophos (hết hạn sử dụng);<br>- Bản quyền phần mềm tường lửa;<br>- Bản quyền phần mềm diệt virus Kaspersky;<br>- Bản quyền phần mềm sao lưu dữ liệu Acronis Cyber Protect.<br>- Bản quyền 3 năm | Ban Quản lý Khu kinh tế | Nâng cấp; duy trì     | 2024                | Nguồn vốn sự nghiệp (NS tính) | 335.775                                | Công văn số 3834/STC-HCSN ngày 15/11/2023 của Sở Tài chính |
| 14    | Thuê dịch vụ máy chủ vận hành phần mềm Quản lý văn bản và điều hành của Sở Ngoại vụ            | Duy trì hoạt động quản lý văn bản và điều hành trên môi trường số trong nội bộ Sở Ngoại vụ và trao đổi văn bản điện tử với các đơn vị trong và ngoài tỉnh   | Sở Ngoại vụ             | Duy trì, thường xuyên | 2024                | Nguồn vốn sự nghiệp (NS tính) | 40                                     | Công văn số 3834/STC-HCSN ngày 15/11/2023 của Sở Tài chính |
| 15    | Bản quyền phần mềm cho thiết bị tường lửa  | Tăng cường an toàn hệ thống thông tin Sở Ngoại vụ   | Sở Ngoại vụ             | Duy trì, thường xuyên | 2024                | Nguồn vốn sự nghiệp (NS tính) | 45.5                                   | Công văn số 3834/STC-HCSN ngày 15/11/2023 của Sở Tài chính |
| 16    | Thuê đường truyền Mạng số liệu chuyên dùng (WAN)   | Tăng cường an toàn cho hệ thống thông tin tại Sở Ngoại vụ   | Sở Ngoại vụ             | Duy trì, thường xuyên | 2024                | Nguồn vốn sự nghiệp (NS tính) | 43.5                                   | Công văn số 3834/STC-HCSN ngày 15/11/2023 của Sở Tài chính |
| 17    | Nâng cấp trang thông tin điện tử Sở Công Thương  | Nâng cấp, bổ sung các tính năng, đảm bảo tính bảo mật; phục vụ cung cấp thông tin cho người dân, doanh nghiệp   | Sở Công Thương          | Nhiệm vụ thường xuyên | 2024                | Nguồn vốn sự nghiệp (NS tính) | 60                                     | Công văn số 3834/STC-HCSN ngày 15/11/2023 của Sở Tài chính |
| 18    | Nâng cấp, duy trì bản quyền thiết bị tường lửa, phần mềm chống virus, phần mềm sao lưu dữ liệu | - Thay thế Tường lửa Sophos (hết hạn sử dụng);<br>- Bản quyền phần mềm tường lửa;<br>- Bản quyền phần mềm diệt virus Kaspersky;<br>- Bản quyền phần mềm sao lưu dữ liệu Acronis Cyber Protect.                      | Sở Công Thương          | Duy trì, thường xuyên | 2024                | Nguồn vốn sự nghiệp (NS tính) | 351.4                                  | Công văn số 3834/STC-HCSN ngày 15/11/2023 của Sở Tài chính |

| Số TT | Tên nhiệm vụ, dự án   | Mục tiêu thực hiện  | Đơn vị chủ trì                      | Phân loại nhiệm vụ    | Thời gian thực hiện | Nguồn vốn thực hiện           | Kinh phí dự kiến năm 2024 (triệu đồng) | Ghi chú  |
|-------|---|---|-------------------------------------|-----------------------|---------------------|-------------------------------|--|--|
| 19    | Triển khai Hệ thống quản lý và khai thác dữ liệu số ngành Công Thương                   | Hỗ trợ quản lý cơ sở dữ liệu ngành trên nền tảng số; số hóa, chuyển đổi phương thức quản lý dữ liệu trên môi trường điện tử; kết nối, chia sẻ, cung cấp dữ liệu cho người dân, doanh nghiệp   | Sở Công Thương                      | Nhiệm vụ thường xuyên | 2024                | Nguồn vốn sự nghiệp (NS tỉnh) |  | Triển khai thử nghiệm                                      |
| 20    | Phát triển Thương mại điện tử   | Phát triển Thương mại điện tử, phát triển Kinh tế số để thực hiện Chuyển đổi số tỉnh Gia Lai  | Sở Công Thương                      | Nhiệm vụ thường xuyên | 2024                | Nguồn vốn sự nghiệp (NS tỉnh) | 1,762                                  | Công văn số 3834/STC-HCSN ngày 15/11/2023 của Sở Tài chính |
| 21    | Ứng dụng Công nghệ thông tin, chuyển đổi số trong xúc tiến thương mại                   | Đẩy mạnh Xúc tiến thương mại số, phát triển Kinh tế số để thực hiện Chuyển đổi số tỉnh Gia Lai  | Sở Công Thương                      | Nhiệm vụ mới          | 2024                | Nguồn vốn sự nghiệp (NS tỉnh) | 169                                    | Công văn số 3834/STC-HCSN ngày 15/11/2023 của Sở Tài chính |
| 22    | Gia hạn phần mềm thiết bị tường lửa; gia hạn phần mềm thiết bị sao lưu dữ liệu (Backup) | Đảm bảo an toàn thông tin cho các Hệ thống thông tin  | Sở Lao động - Thương binh và Xã hội | Nhiệm vụ thường xuyên | 2024                | Nguồn vốn sự nghiệp (NS tỉnh) | 93.74                                  | Công văn số 3834/STC-HCSN ngày 15/11/2023 của Sở Tài chính |
| 23    | Dự án “Mua sắm hệ thống phòng họp trực tuyến tại Sở Khoa học và Công nghệ tỉnh Gia Lai” | Phục vụ công tác chuyên môn của Sở KH&CN (phục vụ các cuộc họp trực tuyến với Bộ KH&CN và các đơn vị thuộc Bộ, UBND các huyện, thị xã, thành phố; các cuộc họp của Hội đồng KH&CN cấp tỉnh, các cơ quan chủ trì thực hiện đề tài, dự án...  | Sở Khoa học và Công nghệ            | Nhiệm vụ mới          | 2024                | Nguồn vốn sự nghiệp (NS tỉnh) | 632                                    | Công văn số 3834/STC-HCSN ngày 15/11/2023 của Sở Tài chính |
| 24    | Hệ thống phòng họp trực tuyến   | Tăng cường và mở rộng hình thức họp trực tuyến" trong các cơ quan thuộc hệ thống hành chính nhà nước tại Quyết định số 45/2018/QĐ-TTg ngày 11/9/2018 của Thủ tướng Chính phủ về quy định chế độ họp trong hoạt động quản lý, điều hành của cơ quan thuộc hệ thống hành chính nhà nước; Triển khai các giải pháp họp trực tuyến, các hệ thống hỗ trợ làm việc từ xa của các cơ quan nhà nước trên địa bàn tỉnh | Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch     | Nhiệm vụ mới          | 2024                | Nguồn vốn sự nghiệp (NS tỉnh) | 562                                    | Công văn số 3834/STC-HCSN ngày 15/11/2023 của Sở Tài chính |

| Số TT | Tên nhiệm vụ, dự án   | Mục tiêu thực hiện   | Đơn vị chủ trì                  | Phân loại nhiệm vụ    | Thời gian thực hiện | Nguồn vốn thực hiện  | Kinh phí dự kiến năm 2024 (triệu đồng) | Ghi chú  |
|-------|---|--|---------------------------------|-----------------------|---------------------|--|--|--|
| 25    | Hệ thống thư viện thông minh 4.0 và số hóa ấn phẩm, tài liệu tại Thư viện tỉnh  | Chuẩn hoá, thống nhất, trao đổi - chia sẻ thông tin - tư liệu giữa các cơ quan thông tin - thư viện trong cả nước với nhau, nắm bắt xu thế phát triển của xã hội, đáp ứng nhu cầu ngày càng cao của bạn đọc. Lưu giữ và bảo quản nguồn tài liệu quý hiếm, tài liệu có giá trị nghiên cứu | Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch | Nhiệm vụ mới          | 2024-2025           | Nguồn vốn sự nghiệp (NS tỉnh)                                | 265                                    | Công văn số 3834/STC-HCSN ngày 15/11/2023 của Sở Tài chính |
| 26    | Duy trì bản quyền thiết bị tường lửa, phần mềm chống Virus, phần mềm sao lưu dữ liệu  | Tiếp tục duy trì bản quyền phần mềm cho thiết bị tường lửa, phần mềm chống Virus cho máy chủ và máy trạm, phần mềm sao lưu dữ liệu cho các máy chủ để hệ thống công nghệ thông tin tại đơn vị hoạt động ổn định, đảm bảo an toàn, an ninh thông tin                                      | Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch | Duy trì thường xuyên  | 2024                | Nguồn vốn sự nghiệp (NS tỉnh)                                | 135                                    | Công văn số 3834/STC-HCSN ngày 15/11/2023 của Sở Tài chính |
| 27    | Gia hạn bản quyền phần mềm cho thiết bị tường lửa Sophos; phần mềm sao lưu dữ liệu Acronis Backup   | Tăng cường an toàn hệ thống thông tin của Ban Dân tộc  | Ban Dân tộc                     | Duy trì, thường xuyên | 2024                | Nguồn vốn sự nghiệp (NS tỉnh)                                | 90                                     | Công văn số 3834/STC-HCSN ngày 15/11/2023 của Sở Tài chính |
| 28    | Kinh phí thực hiện Tiểu dự án 2 – Dự án 10 về Ứng dụng công nghệ thông tin hỗ trợ phát triển kinh tế - xã hội và đảm bảo an ninh trật tự vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi | Ứng dụng công nghệ thông tin hỗ trợ phát triển kinh tế - xã hội và đảm bảo an ninh trật tự vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi  | Ban Dân tộc                     | Nhiệm vụ mới          | 2024                | Nguồn vốn sự nghiệp (NS TW) - Chương trình mục tiêu quốc gia | 700                                    | Chương trình MTQG phát triển KT-XH vùng đồng bào DTTS      |
| 29    | Xây dựng diễn đàn đối thoại trực tuyến về công tác dân tộc tỉnh Gia Lai   | Xây dựng diễn đàn đối thoại trực tuyến về công tác dân tộc tỉnh Gia Lai phục vụ công tác dân tộc   | Ban Dân tộc                     | Nhiệm vụ mới          | 2024                | Nguồn vốn sự nghiệp (NS tỉnh)                                | 2,300                                  | Công văn số 3834/STC-HCSN ngày 15/11/2023 của Sở Tài chính |
| 30    | Duy trì bản quyền phần mềm đảm bảo ATTT Hệ thống thông tin (Sophos SG 230, Acronis Backup)  | Đảm bảo an toàn hệ thống thông tin của đơn vị  | Thanh tra tỉnh                  | Duy trì, thường xuyên | 2024                | Nguồn vốn sự nghiệp (NS tỉnh)                                | 98.5                                   | Công văn số 3834/STC-HCSN ngày 15/11/2023 của Sở Tài chính |

| Số TT | Tên nhiệm vụ, dự án  | Mục tiêu thực hiện  | Đơn vị chủ trì         | Phân loại nhiệm vụ    | Thời gian thực hiện | Nguồn vốn thực hiện           | Kinh phí dự kiến năm 2024 (triệu đồng) | Ghi chú  |
|-------|--|---|------------------------|-----------------------|---------------------|-------------------------------|--|--|
| 31    | Hệ thống CSDL quản lý cán bộ, công chức, viên chức trên địa bàn tỉnh Gia Lai (Giai đoạn 2) | Xây dựng cơ sở dữ liệu hồ sơ nhân sự đầy đủ, chính xác và cung cấp các chức năng quản lý cán bộ, công chức, viên chức một cách hiệu quả, đáp ứng tình hình quản lý cán bộ trên địa bàn tỉnh   | Sở Nội vụ              | Nâng cấp, mở rộng     | 2024                | Nguồn vốn sự nghiệp (NS tỉnh) | 3,701                                  | Công văn số 3834/STC-HCSN ngày 15/11/2023 của Sở Tài chính |
| 32    | Thuê dịch vụ hệ thống thông tin báo cáo tỉnh Gia Lai                                       | Triển khai Hệ thống thông tin báo cáo của tỉnh, kết nối với Hệ thống thông tin báo cáo của Trung ương   | Văn phòng UBND tỉnh    | Nhiệm vụ mới          | 2024-2026           | Nguồn vốn sự nghiệp (NS tỉnh) | 2,638                                  | Công văn số 3834/STC-HCSN ngày 15/11/2023 của Sở Tài chính |
| 33    | Nâng cấp trang thiết bị công nghệ thông tin tại trụ sở UBND tỉnh                           | Đầu tư hệ thống tivi cho phòng họp trực tuyến 3A; đầu tư ram và ổ cứng cho hệ thống máy chủ tại trụ sở UBND tỉnh; đầu tư thiết bị lưu trữ mạng NAS; gia hạn bản quyền thiết bị tường lửa (Firewall); sửa chữa bộ lưu điện UPS Santak True Online C10K-LCD         | Văn phòng UBND tỉnh    | Nhiệm vụ mới          | 2024                | Nguồn vốn sự nghiệp (NS tỉnh) | 589.47                                 | Công văn số 3834/STC-HCSN ngày 15/11/2023 của Sở Tài chính |
| 34    | Duy trì phần mềm bảo mật cho máy chủ, phần mềm sao lưu dữ liệu                             | Nâng cấp, bổ sung cơ sở hạ tầng kỹ thuật về bảo mật, bảo đảm an toàn thông tin mạng; thiết bị tường lửa, phần mềm chống virus, phần mềm sao lưu dữ liệu   | Sở Nông nghiệp và PTNT | Duy trì, thường xuyên | 2024                | Nguồn vốn sự nghiệp (NS tỉnh) | 189.94                                 | Công văn số 3834/STC-HCSN ngày 15/11/2023 của Sở Tài chính |
| 35    | Triển khai thử nghiệm Hệ thống quản lý thông tin chuyên ngành Nông nghiệp                  | Chủ trì phối hợp với các cơ quan, đơn vị thuộc Sở, các huyện, thị xã, thành phố về việc cập nhập cơ sở dữ liệu, số liệu ngành Nông nghiệp và PTNT phục vụ triển khai thử nghiệm Hệ thống quản lý thông tin chuyên ngành Nông nghiệp theo chủ trương của UBND tỉnh | Sở Nông nghiệp và PTNT | Nhiệm vụ mới          | 2024                |                               |  | Triển khai thử nghiệm                                      |



| Số TT | Tên nhiệm vụ, dự án   | Mục tiêu thực hiện  | Đơn vị chủ trì   | Phân loại nhiệm vụ | Thời gian thực hiện | Nguồn vốn thực hiện | Kinh phí dự kiến năm 2024 (triệu đồng) | Ghi chú  |
|-------|---|---|--|--------------------|---------------------|---------------------|--|--|
| 36    | Triển khai sử dụng phần mềm cơ sở dữ liệu mùa vụ trồng rừng phục vụ sản xuất  | Giúp các cơ quan quản lý, tổ chức, doanh nghiệp, hộ gia đình, cá nhân sản xuất lâm nghiệp ở địa phương tham khảo thực hiện trồng rừng, chăm sóc, bảo vệ rừng,... đúng mùa vụ; chủ động các biện pháp hạn chế tác động tiêu cực của thời tiết, sâu bệnh hại. Phổ biến tới các tổ chức, cá nhân liên quan biết, khai thác sử dụng phần mềm cơ sở dữ liệu mùa vụ trồng rừng phục vụ sản xuất. Cập nhật cơ sở dữ liệu cấp tỉnh và nhận thông tin từ Tổng cục Lâm nghiệp về công tác phát triển rừng | Chi cục Kiểm lâm (Sở Nông nghiệp và PTNT)                      | Thường xuyên       | 2024                |                     |  | Phần mềm do Tổng cục Lâm nghiệp xây dựng   |
| 37    | Triển khai Phần mềm quản lý dữ liệu bảo vệ thực vật PPDMS 2.0   | Phục vụ cho công tác thống kê, dự tính, dự báo tình hình sinh vật gây hại trên cây trồng; đề xuất, định hướng các giải pháp phòng trừ sinh vật gây hại cây trồng trên phạm vi toàn tỉnh   | Chi cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật (Sở Nông nghiệp và PTNT) | Thường xuyên       | 2024                |                     |  | Phần mềm do Cục Bảo vệ thực vật triển khai   |
| 38    | Xây dựng cơ sở dữ liệu về quản lý mã số vùng trồng và cơ sở đóng gói trên địa bàn tỉnh Gia Lai (theo dõi, quản lý, cập nhật thông tin các mã số vùng trồng, cơ sở đóng gói) | Sử dụng phần mềm để xây dựng và quản lý dữ liệu: Thu thập dữ liệu (hồ sơ, định vị GPS...); Xây dựng cơ sở dữ liệu, sử dụng phần mềm tương tự như Google Earth...  | Chi cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật (Sở Nông nghiệp và PTNT) | Thường xuyên       | 2024                |                     |  | Phần mềm do Cục Trồng trọt và Cục Bảo vệ thực vật triển khai                                 |
| 39    | Cơ sở dữ liệu quản lý Lâm nghiệp (theo dõi diễn biến rừng)  | Cơ sở dữ liệu quản lý Lâm nghiệp (theo dõi diễn biến rừng)  | Chi cục Kiểm lâm   | Thường xuyên       | 2024                |                     |  | Phần mềm do Tổng cục Lâm nghiệp (Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn) quản lý, triển khai |



| Số TT | Tên nhiệm vụ, dự án   | Mục tiêu thực hiện   | Đơn vị chủ trì                                      | Phân loại nhiệm vụ | Thời gian thực hiện | Nguồn vốn thực hiện | Kinh phí dự kiến năm 2024 (triệu đồng) | Ghi chú   |
|-------|---|--|---|--------------------|---------------------|---------------------|--|---|
| 40    | Đẩy mạnh việc thực hiện ứng dụng khoa học công nghệ trong công tác quản lý, bảo vệ và phát triển rừng | Tiếp tục sử dụng phần mềm phát hiện sớm cháy rừng HostportGla trong công tác phòng cháy chữa cháy rừng; Duy trì, phát triển và sử dụng có hiệu quả hệ thống cơ sở dữ liệu về theo dõi, giám sát đánh giá, gắn với công tác thống kê ngành lâm nghiệp; Đẩy nhanh việc hình thành khu lâm nghiệp ứng dụng cao trên địa bàn tỉnh. | (Sở Nông nghiệp và PTNT)                            | Thường xuyên       | 2024                |                     |  | Phần mềm chạy trên ứng dụng ảnh vệ tinh miễn phí                      |
| 41    | Cơ sở dữ liệu về nuôi trồng thủy sản  | Cập nhật báo cáo, theo dõi, quản lý về thông tin nuôi trồng thủy sản   | Chi cục Chăn nuôi và Thú y (Sở Nông nghiệp và PTNT) | Thường xuyên       | 2024                |                     |  | Phần mềm do Cục Thủy sản (Bộ Nông nghiệp và PTNT) quản lý, triển khai |
| 42    | Cơ sở dữ liệu về quan trắc môi trường trong nuôi trồng thủy sản;                                      | Cập nhật báo cáo, theo dõi, quản lý về kết quả quan trắc, phân tích thông số môi trường trong nuôi trồng thủy sản  | Chi cục Chăn nuôi và Thú y (Sở Nông nghiệp và PTNT) | Thường xuyên       | 2024                |                     |  | Phần mềm do Cục Thủy sản (Bộ Nông nghiệp và PTNT) quản lý, triển khai |
| 43    | Cơ sở dữ liệu về giống thủy sản, thức ăn thủy sản, sản phẩm xử lý môi trường nuôi trồng thủy sản      | Cập nhật thông tin báo cáo, theo dõi, quản lý về giống thủy sản, thức ăn thủy sản, sản phẩm xử lý môi trường nuôi trồng thủy sản   | Chi cục Chăn nuôi và Thú y (Sở Nông nghiệp và PTNT) | Thường xuyên       | 2024                |                     |  | Phần mềm do Cục Thủy sản (Bộ Nông nghiệp và PTNT) quản lý, triển khai |
| 44    | Hệ thống báo cáo dịch bệnh trực tuyến (VAHIS)   | Cập nhật báo cáo, theo dõi, quản lý thông tin về tình hình dịch bệnh động vật  | Chi cục Chăn nuôi và Thú y (Sở Nông nghiệp và PTNT) | Thường xuyên       | 2024                |                     |  | Phần mềm do Cục Thủy sản (Bộ Nông nghiệp và PTNT) quản lý, triển khai |



| Số TT | Tên nhiệm vụ, dự án  | Mục tiêu thực hiện  | Đơn vị chủ trì                               | Phân loại nhiệm vụ     | Thời gian thực hiện | Nguồn vốn thực hiện           | Kinh phí dự kiến năm 2024 (triệu đồng) | Ghi chú  |
|-------|--|---|--|------------------------|---------------------|-------------------------------|--|--|
| 45    | Duy trì hệ thống trang thiết bị phần cứng, phần mềm hệ thống.                        | Thay thế, nâng cấp, sửa chữa trang thiết bị; gia hạn phần mềm hệ thống. Đảm bảo hệ thống trang thiết bị hoạt động ổn định, an toàn thông tin dữ liệu ngành  | Trung tâm CNTT (Sở Tài nguyên và Môi trường) | Duy trì thường xuyên   | 2024                | Nguồn vốn sự nghiệp (NS tỉnh) | 593                                    | Công văn số 3834/STC-HCSN ngày 15/11/2023 của Sở Tài chính |
| 46    | Thuê hạ tầng, phần mềm xây dựng cơ sở dữ liệu đất đai                                | Thuê hạ tầng, phần mềm cơ sở dữ liệu đất đai, vận hành, khai thác CSDL đất đai tỉnh Gia Lai, thực hiện chuyển đổi số, chính phủ điện tử, kết nối liên thông CSDL dùng chung của tỉnh, hệ thống thông tin đất đai quốc gia.  | Sở Tài nguyên và Môi trường                  | Thường xuyên           | 2024                | Nguồn vốn sự nghiệp (NS tỉnh) | 11,000                                 | Công văn số 3834/STC-HCSN ngày 15/11/2023 của Sở Tài chính |
| 47    | Mua sắm thiết bị ứng dụng CNTT   | - Thay thế máy chủ cũ được đầu tư năm 2013, 2014 hiện nay không có linh kiện, thiết bị để thay thế nâng cấp, trở nên kém hiệu suất; Đầu tư màn hình Led phục vụ hiển thị thông tin trong cuộc họp, bổ sung cho phòng họp trực tuyến đã được đầu tư năm 2020 với kích thước lớn, tăng cường trải nghiệm giao tiếp và hiệu suất của cuộc họp. Đầu tư hệ thống chống sét lan truyền giúp bảo vệ các thiết bị điện tử.<br>- Đầu tư duy trì bản quyền thiết bị tường lửa, phần mềm chống Virus, phần mềm sao lưu dữ liệu | Sở Giao thông vận tải                        | Nâng cấp, thường xuyên | 2024                | Nguồn vốn sự nghiệp (NS tỉnh) | 640                                    | Công văn số 3834/STC-HCSN ngày 15/11/2023 của Sở Tài chính |
| 48    | Trang bị 25 máy tính bảng tại phòng họp  | Phục vụ cho các cuộc họp của Hội đồng nhân dân tỉnh   | Văn phòng Đoàn                               | Nhiệm vụ mới           | 2024                | Nguồn vốn sự nghiệp (NS tỉnh) | 500                                    | Công văn số 3834/STC-HCSN ngày 15/11/2023 của Sở Tài chính |
| 49    | Duy trì bản quyền thiết bị tường lửa, phần mềm chống virus, phần mềm sao lưu dữ liệu | Tăng cường bảo mật, bảo đảm an toàn thông tin mạng  | ĐBQH và HĐND tỉnh                            | Duy trì, thường xuyên  | 2024                | Nguồn vốn sự nghiệp (NS tỉnh) | 132                                    | Công văn số 3834/STC-HCSN ngày 15/11/2023 của Sở Tài chính |

| Số TT | Tên nhiệm vụ, dự án   | Mục tiêu thực hiện   | Đơn vị chủ trì                   | Phân loại nhiệm vụ | Thời gian thực hiện | Nguồn vốn thực hiện           | Kinh phí dự kiến năm 2024 (triệu đồng) | Ghi chú  |
|-------|---|--|----------------------------------|--------------------|---------------------|-------------------------------|--|--|
| 50    | Nâng cấp Trang thông tin điện tử Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh   | Nâng cấp về tiêu chuẩn kỹ thuật, giao diện của Website đáp ứng các tiêu chuẩn kỹ thuật theo các quy định mới hiện nay của Bộ TT&TT   | Văn phòng Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh | Nâng cấp           | 2024                | Nguồn vốn sự nghiệp (NS tỉnh) | 60                                     | Công văn số 3834/STC-HCSN ngày 15/11/2023 của Sở Tài chính   |
| 51    | Xây dựng phòng họp trực tuyến tại Hội Liên hiệp Phụ nữ tỉnh   | Phục vụ các cuộc họp trực tuyến, hội nghị trực tuyến, cuộc thi trực tuyến nội bộ trong hệ thống Hội từ Trung ương Hội đến cơ sở Hội; tiết kiệm thời gian, chi phí đi lại   | Hội Liên hiệp Phụ nữ tỉnh        | Nhiệm vụ mới       | 2024                | Nguồn vốn sự nghiệp (NS tỉnh) | 494                                    | Công văn số 3834/STC-HCSN ngày 15/11/2023 của Sở Tài chính   |
| 52    | Nâng cấp máy chủ, duy trì bản quyền phần mềm cho thiết bị tường lửa và phần mềm sao lưu dữ liệu của Sở Kế hoạch và Đầu tư | - Đầu tư thay thế máy chủ cũ hiện nay không có linh kiện, thiết bị để thay thế nâng cấp, trở nên kém hiệu suất; Đầu tư hệ thống chống sét lan truyền giúp bảo vệ các thiết bị điện tử.<br>- Đầu tư duy trì bản quyền thiết bị tường lửa, phần mềm chống Virus, phần mềm sao lưu dữ liệu. | Sở Kế hoạch và Đầu tư            | Nâng cấp, duy trì  | 2024                | Nguồn vốn sự nghiệp (NS tỉnh) | 526                                    | Công văn số 3834/STC-HCSN ngày 15/11/2023 của Sở Tài chính   |
| 53    | Trang bị phần mềm tuyển sinh đầu cấp cho các trường mầm non, tiểu học, THCS trên địa bàn tỉnh                             | Phục vụ chuyển đổi số trong ngành giáo dục đã được UBND tỉnh phê duyệt tại Quyết định số 664/QĐ-UBND, ngày 01/11/2022  | Sở Giáo dục và Đào tạo           | Nhiệm vụ mới       | 2024                | Nguồn vốn sự nghiệp (NS tỉnh) | 2,400                                  | Kết luận số 1321-KL/TU ngày 28/9/2023 của Tỉnh ủy; Thông báo số 633-TB/TU ngày 29/9/2023 của Tỉnh ủy; Công văn số 3834/STC-HCSN ngày 15/11/2023 của Sở Tài chính |
| 54    | Thuê phần mềm Hồ sơ sức khỏe điện tử cho 220 đơn vị y tế trên địa bàn tỉnh (12 tháng)                                     | Triển khai các ứng dụng công nghệ thông tin lĩnh vực y tế năm 2023 theo Đề án Xây dựng thành phố Pleiku theo hướng đô thị thông minh   | Sở Y tế                          | Nhiệm vụ mới       | 2024                | Nguồn vốn sự nghiệp (NS tỉnh) | 1,597                                  | Công văn số 3804/STC-HCSN ngày 14/11/2023 của Sở Tài chính   |

| Số TT   | Tên nhiệm vụ, dự án   | Mục tiêu thực hiện  | Đơn vị chủ trì         | Phân loại nhiệm vụ | Thời gian thực hiện | Nguồn vốn thực hiện           | Kinh phí dự kiến năm 2024 (triệu đồng) | Ghi chú   |
|---|---|---|------------------------|--------------------|---------------------|-------------------------------|--|---|
| 55  | Mua sắm, nâng cấp, cải tạo hạ tầng công nghệ thông tin, hệ thống phần mềm Quản lý tổng thể Bệnh viện giai đoạn 2024-2025 của Bệnh viện Đa khoa tỉnh Gia Lai | Nâng cấp hạ tầng CNTT đáp ứng các tiêu chí Bệnh viện thông minh (mức 6) theo quy định của Bộ Y tế tại Thông tư số 54/2017/TT-BYT ngày 29/12/2017 về ứng dụng CNTT tại cơ sở khám bệnh, chữa bệnh  | Bệnh viện Đa khoa tỉnh | Nhiệm vụ mới       | 2024-2025           | Nguồn vốn sự nghiệp (NS tỉnh) | 6,000                                  | Công văn số 3804/STC-HCSN ngày 14/11/2023 của Sở Tài chính                        |
| 56  | Xây dựng hệ thống giám sát trật tự an toàn xã hội giai đoạn 2   | Tiếp tục triển khai thực hiện đề án “Xây dựng thành phố Pleiku theo hướng đô thị thông minh giai đoạn 2020 – 2025 định hướng 2030”, đầu tư mở rộng các hệ thống camera giám sát an ninh, trật tự công cộng, giám sát trật tự an toàn giao thông trên địa bàn thành phố Pleiku góp phần nâng cao ý thức tự giác chấp hành pháp luật của người dân; hỗ trợ các lực lượng chức năng giám sát, theo dõi mọi diễn biến trên các tuyến đường kịp thời phát hiện, ngăn chặn và xử lý mọi hoạt động tội phạm và các hành vi vi phạm pháp luật khác. | Công an tỉnh           | Nhiệm vụ mới       | 2024                | Nguồn vốn sự nghiệp (NS tỉnh) | 21,814                                 | Đã được UBND tỉnh bố trí kinh phí theo Quyết định số 765/QĐ-UBND ngày 18/12/2023. |
| 57  | Trang bị kỹ thuật nghiệp vụ đấu tranh phòng chống tội phạm sử dụng công nghệ cao  | Mua sắm phần mềm, trang thiết bị kỹ thuật nghiệp vụ phục vụ công tác đấu tranh phòng, chống tội phạm sử dụng công nghệ cao.   | Công an tỉnh           | Nhiệm vụ mới       | 2024                | Nguồn vốn sự nghiệp (NS tỉnh) | 9,000                                  |   |
| <b>Tổng cộng</b>  |   |   |                        |                    |                     |                               | <b>169,547</b>                         |   |
| <i>(Bảng chữ: Một trăm sáu mươi chín tỷ, năm trăm bốn mươi bảy triệu đồng).</i> |   |   |                        |                    |                     |                               |  |   |





**PHỤ LỤC 04:**

**PHÂN MỨC CÁC NHIỆM VỤ, DỰ ÁN PHÁT TRIỂN CHÍNH QUYỀN ĐIỆN TỬ, CHÍNH QUYỀN SỐ, CHUYỂN ĐỔI SỐ NĂM 2024  
(CỦA UBND CÁC HUYỆN, THỊ XÃ, THÀNH PHỐ)**

(Ban hành kèm theo Quyết định số 19 /QĐ-UBND ngày 22 tháng 01 năm 2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh Gia Lai)

| Số TT | Tên nhiệm vụ, dự án   | Mục tiêu đầu tư  | Đơn vị chủ trì        | Phân loại nhiệm vụ   | Thời gian thực hiện | Ghi chú |
|-------|---|--|-----------------------|----------------------|---------------------|---------|
| 1     | Nâng cấp và duy trì hoạt động của Trung tâm điều giám sát, điều hành đô thị thông minh thành phố Pleiku   | Xây dựng hoàn thiện phần mềm nền tảng Trung tâm giám sát, điều hành đô thị thông minh thành phố Pleiku   | UBND thành phố Pleiku | Nhiệm vụ mới         | 2024                |         |
| 2     | Duy trì wifi tại Quảng trường Đại Đoàn Kết; thuê máy chủ; bảo trì; duy trì hệ thống hội nghị truyền hình, Cổng Thông tin điện tử và các hệ thống thông tin dùng chung | Đảm bảo Trung tâm Giám sát điều hành thông minh thành phố Pleiku và các hệ thống thông tin dùng chung của thành phố được vận hành và duy trì thường xuyên, liên tục; đảm bảo hạ tầng để xây dựng Chính quyền điện tử, Chính quyền số của địa phương  | UBND thành phố Pleiku | Duy trì thường xuyên | 2024                |         |
| 3     | Triển khai xây dựng cơ sở dữ liệu số hóa 3D, hệ thống tra cứu thông tin tài nguyên du lịch trên địa bàn thị xã An Khê   | Xây dựng cơ sở dữ liệu, công thông tin điện tử và ứng dụng du lịch thông minh, kết nối cơ sở dữ liệu chuyên ngành du lịch; phát triển hệ sinh thái du lịch thông minh, ứng dụng công nghệ số kết hợp công nghệ 3D để giới thiệu về điểm đến, các tour tuyến du lịch, sản phẩm, dịch vụ du lịch trên địa bàn thị xã | UBND thị xã An Khê    | Nhiệm vụ mới         | 2024                |         |
| 4     | Hệ thống camera giám sát an ninh trật tự, an toàn giao thông  | Trang hệ thống camera công cộng giám sát an ninh trật tự, an toàn giao thông trên địa bàn thị xã   | UBND thị xã An Khê    | Nhiệm vụ hàng năm    | 2024                |         |
| 5     | Trung tâm điều hành thông minh IOC (Intelligent Operation Center) trên địa bàn thị xã An Khê  | Phục vụ công tác điều hành, xử lý các tình huống khẩn cấp trên địa bàn toàn thị xã An Khê nhanh chóng, chính xác và hiệu quả   | UBND thị xã An Khê    | Dự án mới            | 2024-2026           |         |
| 6     | Trang bị hệ thống màn hình LED tại UBND thị xã An Khê   | Trang bị hệ thống màn hình Led tại UBND thị xã nhằm hiện đại hóa hạ tầng CNTT  | UBND thị xã An Khê    | Dự án mới            | 2024                |         |

*Handwritten signature*

| Số TT | Tên nhiệm vụ, dự án   | Mục tiêu đầu tư  | Đơn vị chủ trì      | Phân loại nhiệm vụ   | Thời gian thực hiện | Ghi chú |
|-------|---|--|---------------------|----------------------|---------------------|---------|
| 7     | Triển khai các nhiệm vụ khác theo Kế hoạch Chuyển đổi số của địa phương | Đảm bảo các hệ thống thông tin dùng chung của huyện được vận hành và duy trì thường xuyên, liên tục; đảm bảo an toàn an ninh thông tin cho các hệ thống và hạ tầng thiết bị CNTT tại các phòng, ban chuyên môn; đáp ứng hạ tầng để xây dựng Chính quyền điện tử thị xã An Khê  | UBND thị xã An Khê  | Duy trì thường xuyên | 2024                |         |
| 8     | Triển khai các nhiệm vụ theo Kế hoạch Chuyển đổi số của địa phương      | Đảm bảo an toàn, an ninh thông tin cho các hệ thống thông tin dùng chung của huyện được vận hành và duy trì thường xuyên, liên tục; phục vụ xây dựng Chính quyền điện tử tại địa phương  | UBND thị xã Ayun Pa | Duy trì thường xuyên | 2024                |         |
| 9     | Triển khai các nhiệm vụ theo Kế hoạch Chuyển đổi số của địa phương      | Đảm bảo các hệ thống thông tin dùng chung của huyện được vận hành và duy trì thường xuyên, liên tục; đảm bảo an toàn an ninh thông tin cho các hệ thống và hạ tầng thiết bị CNTT tại các phòng, ban chuyên môn; đáp ứng hạ tầng để xây dựng Chính quyền điện tử cấp huyện; phát triển Chính quyền số, kinh tế số, xã hội số của địa phương | UBND huyện Chư Păh  | Duy trì thường xuyên | 2024                |         |
| 10    | Trang bị hệ thống màn hình ghép tại Hội trường huyện                    | Trình chiếu các nội dung phục vụ các cuộc họp, hội nghị của huyện  | UBND huyện Đak Pơ   | Duy trì thường xuyên | 2024                |         |
| 11    | Triển khai các nhiệm vụ theo Kế hoạch Chuyển đổi số của địa phương      | Đảm bảo các hệ thống thông tin dùng chung của huyện được vận hành và duy trì thường xuyên, liên tục; đảm bảo hạ tầng để xây dựng Chính quyền điện tử; phát triển Chính quyền số, kinh tế số, xã hội số tại địa phương  | UBND huyện Đak Pơ   | Duy trì thường xuyên | 2024                |         |
| 12    | Triển khai các nhiệm vụ theo Kế hoạch Chuyển đổi số của địa phương      | Đảm bảo các hệ thống thông tin dùng chung của huyện được vận hành và duy trì thường xuyên, liên tục; đảm bảo hạ tầng để xây dựng Chính quyền điện tử   | UBND huyện Đức Cơ   | Duy trì thường xuyên | 2024                |         |

| Số TT | Tên nhiệm vụ, dự án  | Mục tiêu đầu tư  | Đơn vị chủ trì       | Phân loại nhiệm vụ   | Thời gian thực hiện | Ghi chú |
|-------|--|--|----------------------|----------------------|---------------------|---------|
| 13    | Triển khai các nhiệm vụ theo Kế hoạch Chuyển đổi số của địa phương           | Đảm bảo các hệ thống thông tin dùng chung của huyện được vận hành và duy trì thường xuyên, liên tục; đảm bảo an toàn an ninh thông tin cho các hệ thống và hạ tầng thiết bị CNTT tại các phòng, ban chuyên môn; đáp ứng hạ tầng để xây dựng Chính quyền điện tử cấp huyện  | UBND huyện Chư Sê    | Duy trì thường xuyên | 2024                |         |
| 14    | Triển khai các nhiệm vụ theo Kế hoạch Chuyển đổi số của địa phương           | Đảm bảo các hệ thống thông tin dùng chung của huyện được vận hành và duy trì thường xuyên, liên tục; đảm bảo an toàn an ninh thông tin cho các hệ thống và hạ tầng thiết bị CNTT tại các phòng, ban chuyên môn; đáp ứng hạ tầng để xây dựng Chính quyền điện tử cấp huyện; phát triển Chính quyền số, kinh tế số, xã hội số của địa phương | UBND huyện Ia Pa     | Duy trì thường xuyên | 2024                |         |
| 15    | Triển khai các nhiệm vụ theo Kế hoạch Chuyển đổi số của địa phương           | Đảm bảo các hệ thống thông tin dùng chung của huyện được vận hành và duy trì thường xuyên, liên tục; đảm bảo hạ tầng để xây dựng Chính quyền điện tử   | UBND huyện Kbang     | Duy trì thường xuyên | 2024                |         |
| 16    | Triển khai các nhiệm vụ theo Kế hoạch Chuyển đổi số của địa phương           | Đảm bảo các hệ thống thông tin dùng chung của huyện được vận hành và duy trì thường xuyên, liên tục; đảm bảo an toàn an ninh thông tin cho các hệ thống và hạ tầng thiết bị CNTT tại các phòng, ban chuyên môn; đáp ứng hạ tầng để xây dựng Chính quyền điện tử cấp huyện; phát triển Chính quyền số, kinh tế số, xã hội số của địa phương | UBND huyện Kông Chro | Duy trì thường xuyên | 2024                |         |
| 17    | Đầu tư hệ thống camera an ninh huyện Kông Chro                               | Đảm bảo an ninh trật tự trên địa bàn huyện Kông Chro   | UBND huyện Kông Chro | Nhiệm vụ mới         | 2024                |         |
| 18    | Hệ thống camera giám sát an ninh trật tự, an toàn giao thông huyện Mang Yang | Trang bị hệ thống camera giám sát an ninh trật tự thực hiện kiểm soát an ninh công cộng ở các khu vực, địa bàn trọng điểm của huyện... nhằm đảm bảo tình hình an ninh trật tự và trật tự đô thị trên địa bàn   | UBND huyện Mang Yang | Nhiệm vụ mới         | 2024                |         |

| Số TT   | Tên nhiệm vụ, dự án  | Mục tiêu đầu tư   | Đơn vị chủ trì       | Phân loại nhiệm vụ            | Thời gian thực hiện | Ghi chú |
|---|--|---|----------------------|-------------------------------|---------------------|---------|
| 19  | Triển khai các nhiệm vụ theo Kế hoạch Chuyển đổi số của địa phương | Đảm bảo các hệ thống thông tin dùng chung của huyện được vận hành và duy trì thường xuyên, liên tục; đảm bảo hạ tầng để xây dựng Chính quyền điện tử  | UBND huyện Mang Yang | Duy trì thường xuyên          | 2024                |         |
| 20  | Triển khai các nhiệm vụ theo Kế hoạch Chuyển đổi số của địa phương | Đảm bảo các hệ thống thông tin dùng chung của huyện được vận hành và duy trì thường xuyên, liên tục; đảm bảo an toàn an ninh thông tin cho các hệ thống và hạ tầng thiết bị CNTT tại các phòng, ban chuyên môn; đáp ứng hạ tầng để xây dựng Chính quyền điện tử cấp huyện | UBND huyện Krông Pa  | Mở rộng; duy trì thường xuyên | 2024                |         |
| * Đối với các nhiệm vụ, dự án do các địa phương chủ trì thực hiện, UBND các huyện, thị xã, thành phố bố trí kinh phí từ ngân sách cấp huyện để thực hiện theo quy định. |  |   |                      |                               |                     |         |

